Ngày soạn: 18/11/2025
Ngày dạy: ...../...../.....

BÀI 4. TIẾNG CƯỜI TRÀO PHÚNG TRONG THƠ
Tiết 43,44 **GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN**
Văn bản 1. **LỄ XƯỚNG DANH KHOA ĐINH DẬU**

I. Mục tiêu

1. Năng lực

a. Năng lực đặc thù

- Một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt đường luật: bố cục, niêm, vần luật, nhịp, đối
- Phân tích được tác dụng của một số thủ pháp nghệ thuật chính của thơ trào phúng.
- Nhận biết được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ, thành ngữ của yếu tố Hán Việt đó, hiểu được sắc thái nghĩa của từ ngữ và biết lựa chọn, sử dụng từ ngữ phù hợp với sắc thái.
- Viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học: nêu được chủ đề, dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm
- Trình bày được ý kiến về một vấn đề xã hội
- Có ý thức phê phán cái xấu, tiêu cực và hướng tới những điều tốt đẹp trong suy nghĩ và hành động.

b. Năng lực chung

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.
- Tự chủ và tự học, biết thu thập thông tin và giải quyết vấn đề được đặt ra

2. Phẩm chất

- Nhân ái: phê phán cái xấu, tiêu cực và hướng tới những điều tốt đẹp trong suy nghĩ và hành động
- Chăm chỉ: lắng nghe, hoàn thành bài tập.
- Trách nhiệm: hoàn thành nhiệm vụ cá nhân và nhiệm vụ của nhóm

* Đối với HS khuyết tật nghe -nói:
Viết được, ghi chép, một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt đường luật: bố cục, niêm, vần luật, nhịp, đối

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Thiết bị dạy học

- Kế hoạch bài dạy
- SGK, SGV
- Các phương tiện kỹ thuật
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Học liệu: trả lời câu hỏi

III. Tiến trình dạy học

Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú, tâm thế kết nối học sinh vào chủ đề bài học

* Đối với HS khuyết tật nghe -nói:

- Tạo tâm lý thoải mái, hứng thú, hòa đồng cho HS.

b. Nội dung: GV tổ chức trò chơi **"Vẽ hình đoán chữ"**

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện: 5p

GV tổ chức hoạt động "CHUYÊN MỤC CUỘC SỐNG- Ý NGHĨA CỦA NỤ CƯỜI": Theo em, nụ cười có ý nghĩa như thế nào trong cuộc sống?

- GV dẫn dắt vào bài mới: *Nụ cười mang nhiều ẩn ý khác nhau tùy vào từng thời điểm và bối cảnh. Hàng trăm khán giả bật cười vì sự hài hước, hóm hỉnh của một danh hài. Người mẹ nở nụ cười mãn nguyện đầy hạnh phúc khi thấy đứa con mình chào đời. Cụ bà bán hàng rong cười vui mừng khi đã bán hết hàng trong ngày. Vị bác sĩ cười nhẹ nhõm vì đã cứu chữa bệnh nhân qua khỏi cơn nguy kịch... Có vô số lý do để con người có thể nở nụ cười, do đó, một nụ cười luôn mang trong mình vô vàn ý nghĩa. Chúng ta có thể cười vì hạnh phúc, vì mãn nguyện, chúng ta có thể cười để làm quen với người lạ hoặc đơn giản chỉ cười gượng vì phép lịch sự xã giao. Dù với bất kỳ lý do nào, thì nụ cười vẫn là một loại vũ khí lợi hại để chiếm lấy cảm tình từ người khác và là chiếc chìa khóa thần kỳ mở cửa những trái tim xa lạ. Bên cạnh đó, nụ cười còn được bật ra từ những phản ứng lành mạnh của con người nhằm giễu cợt, mỉa mai, châm biếm, đả kích những cái chưa hay, chưa đẹp hoặc cái tiêu cực, xấu xa nhưng mục đích cao nhất của nó là hướng tới cuộc sống tốt đẹp hơn.* Tiếng cười đó được thể hiện như thế nào trong thơ? Cùng đến với chủ điểm 4.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Hoạt động 1: Giới thiệu bài học

a. Mục tiêu: Nắm được chủ đề và thể loại chính của bài học

* Đối với HS khuyết tật nghe -nói:

- Viết được nội dung cơ bản của bài học

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 5p

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv yêu cầu học sinh đọc đoạn giới thiệu bài học và trả lời câu hỏi: + Chủ đề của bài học là gì? + Phần giới thiệu bài học muốn nói với chúng ta điều gì? + Phần Giới thiệu bài học còn cho biết ở chủ đề này các em làm quen với thể loại văn bản nào? - HS tiếp nhận nhiệm vụ.	**I. Giới thiệu bài học** **- Chủ đề bài học**: Tiếng cười trào phúng trong thơ → Tiếng cười trào phúng với nhiều sắc thái và cung bậc khác nhau là một phần của đời sống. Tiếng cười đó được bật ra từ những phản ứng lành mạnh của con người trước cái chưa hay, chưa đẹp hoặc cái tiêu cực, xấu xa tồn tại xung quanh chúng ta. Nó góp phần thanh lọc cuộc

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** - Hs trả lời câu hỏi **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - Gv định hướng về mục tiêu cần đạt qua bài học cho học sinh Gv hỏi thêm: Phát biểu cảm nghĩ của em sau khi nghe bài thơ "CHỈ TẠI LÔ ĐỀ" (tiếng cười hài hước, có pha chút mỉa mai, châm biếm) → Đối tượng tiếng cười trong bài thơ: thói ham mê lô đề, cờ bạc. → Mục đích vì một cuộc sống tốt đẹp hơn của bài thơ: muốn không rách nát phải chừa Đề - Lô	sống theo cách ý vị, tinh tế và hướng chúng ta đến chân, thiện, mĩ. - **Thể loại chính**: + *"Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu"*- (Trần Tế Xương): → Thất ngôn bát cú Đường luật + *"Lai Tân"*- (Hồ Chí Minh): → Tứ tuyệt Đường luật + *"Một số giọng điệu của tiếng cười trong thơ trào phúng"* → Văn bản thuyết minh

Hoạt động 2: Khám phá tri thức ngữ văn

a. Mục tiêu: Nắm được đặc điểm nội dung và nghệ thuật, đặc trưng của thơ trào phúng.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 10p

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: **Gv đặt câu hỏi:** Em hiểu thế nào về thơ trào phúng? (về nội dung, nghệ thuật) **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS tiếp nhận **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS báo cáo kết quả, trả lời câu hỏi, nhận xét. **Bước 4: Kết luận, nhận định.** GV chốt và mở rộng kiến thức. **GV chiếu bài tham khảo "Ba cái lăng nhăng"** *Một trà, một rượu, một đàn bà* *Ba cái lăng nhăng nó quấy ta* *Chừa được cái gì hay cái nấy* *Có chăng chừa rượu với chừa trà!*	**II. Khám phá tri thức ngữ văn** **1. Thơ trào phúng** **a. Về nội dung** - Dùng tiếng cười để phê phán những cái chưa hay, chưa đẹp hoặc cái tiêu cực, xấu xa… - Mục đích: nhằm hướng con người hướng tới các giá trị thẩm mĩ, nhân văn hoặc lí tưởng sống cao đẹp. **b. Về nghệ thuật** Thường sử dụng biện pháp tu từ so sánh, ẩn dụ, nói quá,…tạo ra tiếng cười khi hài hước, mỉa mai, châm biếm nhẹ nhàng; lúc đả kích mạnh mẽ, sâu cay.

TÀI LIỆU ĐÃ BAN HÀNH
Được ký bởi: Trường THCS Ba Động
Cơ quan: Trường THCS Ba Động
Ngày ký: 10/12/2025 10:10:10

(Trần Tế Xương). Bài thơ này được viết trong một thời điểm vợ chồng ông Tú đang gặp nhiều khó khăn, túng bấn. Ông Tú thích rượu. Nhưng buổi sáng hôm ấy các chai, nậm trong nhà ông không còn một giọt rượu nào. Người ông bần thần, chân tay rời rạc như đồ giả khiến ông không sao cầm bút viết nổi một chữ. Ông cứ đứng lên ngồi xuống, ra ra vào vào ngóng vợ, y như trẻ con ngóng mẹ. Bà Tú cắp thúng từ chợ Rồng về đến cửa, ông Tú đã ra đón, gãi đầu gãi tai, nói: - Tôi mong bà phỏng cả mắt, bà có thấy sốt ruột nóng gan không? - Có chuyện gì vậy ông? - Bà Tú ngạc nhiên hỏi. - Hôm nay tôi có nhu cầu uống với bà mấy chén rượu, tạo cảm hứng viết một bài thơ tặng bà. Tôi vừa tìm ra tứ... Đọc thêm: https://cand.com.vn/Tu-lieu-van-hoa/Nom-na-kieu-ong-Tu-Thanh-Nam-i328020/	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: **Gv đặt câu hỏi gợi dẫn:** + Em hãy chỉ ra những đặc trưng của thơ trào phúng **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS tiếp nhận **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS báo cáo kết quả, trả lời câu hỏi, nhận xét. **Bước 4: Kết luận, nhận định.** GV chốt và mở rộng kiến thức GV chiếu một số bài thơ trào phúng tham khảo: “Muốn lấy chồng”, “Đóng thuế thân”	**2. Đặc trưng của thơ trào phúng** - Vừa có yếu tố trữ tình, vừa có yếu tố tự sự - Thiên về phản ánh thế giới bên ngoài, những thói hư tật xấu đáng lên án - Thường viết theo các thể: lục bát, bảy chữ, song thất lục bát và tự do - Lối nói phóng đại, so sánh, ẩn dụ, chơi chữ

TÀI LIỆU ĐÃ BAN HÀNH
Được tải về từ hệ thống edoc.smas.edu.vn lúc 10:10 10/12/2025
Bởi Nguyễn Thị Hương (badong_huongnguyen) – TRƯỜNG THCS BA ĐỘNG

Văn bản 1

LỄ XƯỚNG DANH KHOA ĐINH DẬU

Trần Tế Xương

I. Mục tiêu

1. Về năng lực:

a. Năng lực đặc thù

- Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt đường luật: bố cục, niêm, vần, luật, nhịp, đối
- Nhận biết và phân tích được tác dụng của một số thủ pháp nghệ thuật chính của thơ trào phúng.
- Liên hệ được nội dung văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại

b. Năng lực chung

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.
- Tự chủ và tự học, tự thu thập, tổng hợp và phân loại thông tin

2. Về phẩm chất:

- Trách nhiệm: phê phán cái xấu, tiêu cực và hướng tới những điều tốt đẹp trong suy nghĩ và hành động
- Chăm chỉ: Chăm học, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

* Đối với HS khuyết tật nghe -nói:

Viết được, ghi chép, một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt đường luật: bố cục, niêm, vần luật, nhịp, đối

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Thiết bị dạy học

- Kế hoạch bài dạy
- SGK, SGV
- Máy chiếu, máy tính

2. Học liệu: Phiếu học tập, trò chơi

III. Tiến trình dạy học

Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho học sinh kết nối vào nội dung bài học

* Đối với HS khuyết tật nghe -nói:

- Tạo tâm lý thoải mái, hứng thú, hòa đồng cho HS.

b. Nội dung: GV đặt câu hỏi gợi dẫn

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện: 5p

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn:

1. Nhà nước phong kiến xưa tổ chức các kì thi cho sĩ tử tham gia nhằm mục đích gì?
2. Sau cuộc thi (thể thao, nghệ thuật, giáo dục,…) thường sẽ có một buổi lễ xướng danh và trao giải. Mục đích của lễ xướng danh là gì?

→ GV dẫn dắt vào bài học*: Có thể nói, những cuộc thi trong thời phong kiến xưa giúp chúng ta tìm ra rất nhiều nhân tài, hào kiệt cho đất nước. Cảm ơn, vì đất nước chúng ta đã tồn tại và phát triển nhờ có họ. Lễ xướng danh và trao giải nhằm mục đích khích lệ, động viên và ghi nhận những tài năng đó. Trong bài học ngày hôm nay, chúng ta cùng đi tìm hiểu một văn bản với nội dung* ***"Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu",*** *nhưng mục đích của văn bản có đúng như vậy không, chúng ta cùng tìm hiểu bài học nhé!*

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Phần I. Tìm hiểu chung

a. Mục tiêu: Đọc văn bản và nắm được một số thông tin chính về tác giả, tác phẩm.

* Đối với HS khuyết tật nghe -nói:

- Viết được nội dung cơ bản của bài học

b. Nội dung: GV đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 10p

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - **GV** hướng dẫn học sinh đọc văn bản - **GV** hướng dẫn học tìm hiểu một số ý chính về tác giả, tác phẩm qua **Phiếu học tập** - Hoàn thiện Phiếu tổng quan về văn bản: Nêu những hiểu biết sơ bộ và cảm nhận ban đầu về tác giả, tác phẩm + HS trình bày sản phẩm đã giao từ tiết trước Họ tên: _____ lớp: _____ PHIẾU TỔNG QUAN VỀ VĂN BẢN NHỮNG ĐIỀU TÔI BIẾT SƠ BỘ VỀ TÁC GIẢ / CẢM NHẬN BAN ĐẦU CỦA TÔI VỀ TÁC GIẢ NHỮNG ĐIỀU TÔI BIẾT SƠ BỘ VỀ TÁC PHẨM / CẢM NHẬN BAN ĐẦU CỦA TÔI VỀ TÁC PHẨM **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ** HS tiếp nhận nhiệm vụ **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** - HS quan sát, lắng nghe, hoàn thành phiếu học tập **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động** - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung GV mở rộng về tác giả:	**I. Tìm hiểu chung** **1. Đọc** - Đọc to, rõ ràng, diễn cảm - Lưu ý ngắt nhịp: 4/3 hoặc 3/4 ở hầu hết các dòng thơ - Giọng điệu: châm biếm, giễu cợt - Chú ý chiến lược đọc được nêu ở bên phải văn bản. **2. Tìm hiểu chung** **a. Tác giả** Trần Tế Xương(1870-1907) - Quê: Nam Định - Là người có tài nhưng lận đận thi cử, đỗ Tú tài nên thường được gọi là Tú Xương. - Sáng tác nhiều thơ Nôm - Thơ ông đậm chất trữ tình và chất trào phúng, phản ánh rõ nét bức tranh hiện thực của xã hội thuộc địa nửa phong kiến nước ta cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX. - Một số bài thơ Nôm tiêu biểu của Trần Tế Xương: *Năm mới chúc nhau, Thương vợ, Áo bông che bạn, Sông Lấp,..* **b. Tác phẩm** **- Xuất xứ:** "Vịnh khoa thi Hương" còn có tên gọi khác là "Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu" được sáng tác năm 1897 (Thực dân Pháp thống trị và làm chủ xướng kì thi) **- Thể thơ** Thất ngôn bát cú đường luật **- Bố cục:** - Đề (hai câu đầu): giới thiệu về kì thi Hương được diễn ra năm 1897 - Thực (câu 3 và câu 4): hình ảnh các nhân vật trong kì thi.

Thời nhà thơ Trần Tế Xương sống là giai đoạn bi phẫn nhất của dân tộc, phong trào yêu nước Cần Vương dần bị thoái trào; năm 1873 Pháp đánh Hà Nội lần thứ nhất rồi tấn công Nam Định; năm 1884 triều đình nhà Nguyễn chính thức ký hàng ước dâng đất nước ta cho giặc Pháp. Là người học hành có chí, lại có tài làm thơ, cũng như bao nho sĩ trẻ, nhà thơ mang khát vọng học hành thành đạt để có cuộc sống tử tế. Năm 1886 lúc 16 tuổi ông đã đi thi hương, rồi kiên trì đeo đuổi đến tám khoa thi (vào các năm 1886, 1888, 1891, 1894, 1897, 1900, 1903, 1906). Có lẽ phong cách phóng khoáng, không tuân thủ theo lối văn khuôn sáo cử nghiệp, cộng với cách thức thi cử "chọn nhân tài" của chế độ thực dân phong kiến đương thời, nên ông lận đận mãi. Phải đến khoa thi thứ tư, niên hiệu Thành Thái thứ 6 năm Giáp Ngọ 1894, khi đã 24 tuổi, ông mới đỗ Tú tài thiên thủ, lấy thêm cuối bảng. Những mong chăm chỉ đèn sách để có tấm bằng cử nhân cho đỡ tủi phận nghiên bút, thoát cảnh *"thua mãi anh em cánh Bắc Kỳ",* lần thi cuối cùng, niên hiệu Thành Thái thứ 18 năm Bính Ngọ 1906 ông còn đổi tên Trần Tế Xương bằng Trần Cao Xương nhưng vẫn không thành. Ông cay đắng nhận ra "cửa Khổng sân Trình" của cái buổi nhiễu nhương này, không có ngôi vị nào dành cho những người như ông. Ông đành chấp nhận số phận cuộc đời, phải sống trong môi trường thị dân đang bị chi phối sâu sắc bởi chế độ thực dân nửa phong kiến, nhiều giá trị đạo đức và nhân văn bị pha tạp hoặc đảo lộn. Đọc thêm: https://baonamdinh.vn/channel/5093/202008/ky-niem-150-nam-ngay-sinh-nha-	- Luận (câu 5 và câu 6): sự hiện diện của những người nước ngoài "phủ bóng" lên khung cảnh của kì thi - Kết (hai câu cuối): thực trạng bi hài của kì thi nói riêng và của đất nước nói chung trong hoàn cảnh thực dân Pháp đô hộ.

TÀI LIỆU ĐÃ BAN HÀNH

tho-tran-te-xuong-5-9-1870-5-9-2020-nha-tho-tran-te-xuong-mot-nhan-cach-van-hoa-2539412/	

Phần II. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được nội dung và nghệ thuật của bài thơ

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi, hoàn thành phiếu học tập

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 45p

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ **GV yêu cầu HS chia 4 nhóm và hoàn thành PHT** **- Nhóm 1:** PHT số 1 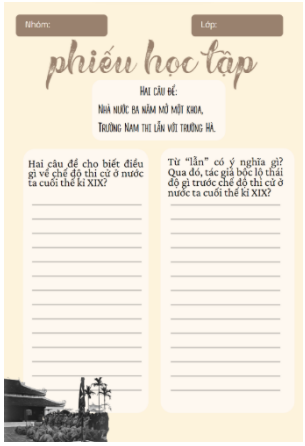 Nhóm: Lớp: phiếu học tập HAI CÂU ĐỀ: NHÀ NƯỚC BA NĂM MỞ MỘT KHOA, TRƯỜNG NAM THI LẪN VỚI TRƯỜNG HÀ. Hai câu đề cho biết điều gì về chế độ thi cử ở nước ta cuối thế kỉ XIX? Từ "lẫn" có ý nghĩa gì? Qua đó, tác giả bộc lộ thái độ gì trước chế độ thi cử ở nước ta cuối thế kỉ XIX? **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ** HS tiếp nhận nhiệm vụ **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** - HS trình bày sản phẩm nhóm - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động** - GV nhận xét, đánh giá.	**II. Khám phá văn bản** **1. Hai câu đề** - Sự kiện: theo lệ thường thời phong kiến cứ ba năm có một khoa thi Hương → sự kiện tưởng như không có gì đặc biệt, chỉ có tính chất thông báo - Từ "lẫn": thể hiện sự ô hợp, hỗn tạp của kì thi. → điều bất thường của kì thi. Với kiểu câu tự sự có tính chất kể lại, hai câu đề cho thấy kì thi với tất cả sự ô hợp, hỗn tạp, thiếu nghiêm túc trong buổi giao thời. ➔ Thái độ mỉa mai, châm biếm kín đáo cùng nỗi buồn sầu, lo lắng của tác giả trước cảnh đất nước bị mất quyền độc lập, tự chủ.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ **GV yêu cầu HS chia 4 nhóm và hoàn thành PHT** **- Nhóm 2:** PHT số 2	**2. Hai câu thực** **- Sĩ tử: "lôi thôi, vai đeo lọ"** → luộm thuộm, nhếch nhác **- Quan trường: "ậm ọe, miệng thét loa"** → ra oai, nạt nộ nhưng đó là cái oai cố tạo, giả vờ **- Nghệ thuật** + Đảo ngữ: "lôi thôi sĩ tử", "ậm ọe quan trường".

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ
HS tiếp nhận nhiệm vụ
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận
- HS trình bày sản phẩm nhóm
- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động
- GV nhận xét, đánh giá.

+ Đối: "lôi thôi sĩ tử" >< "ậm ọe quan trường."
+ Sử dụng từ láy tượng thanh và tượng hình: "ậm ọe", "lôi thôi".
➔ Sự láo nháo, lộn xộn, ô hợp của trường thi, dù đây là kì thi quan trọng.
➔ Phản ánh sự suy vong của một nền học vấn, sự lỗi thời của đạo Nho.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
GV yêu cầu HS chia 4 nhóm và hoàn thành PHT
- Nhóm 3: PHT số 3

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ
HS tiếp nhận nhiệm vụ

3. Hai câu luận
- Quan sứ: "cờ kéo rợp trời"
→ thể hiện sự đón tiếp trang nghiêm, linh đình
- Mụ đầm: "váy lê quét đất"
→ cách ăn mặc thể hiện sự lòe loẹt, lố lăng
➔ Phô trương, thị oai, kệch cỡm, không phù hợp với lễ nghi của một kì thi → Tiếng cười đả kích
- Đối: "cờ- váy", "trời- đất", "quan sứ- mụ đầm"
→ Mỉa mai, châm biếm, hạ nhục bọn quan lại, thực dân
➔ Vạch trần sự nhếch nhác, tùy tiện của khoa cử thời bấy giờ và báo hiệu một sự sa sút về chất lượng trong thi cử; đồng thời ngầm thể hiện nỗi xót xa chua xót của nhà thơ và người đọc.

TÀI LIỆU ĐÃ BAN HÀNH

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trình bày sản phẩm nhóm - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động** - GV nhận xét, đánh giá.	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ **GV yêu cầu HS chia 4 nhóm và hoàn thành PHT** **- Nhóm 4:** PHT số 4 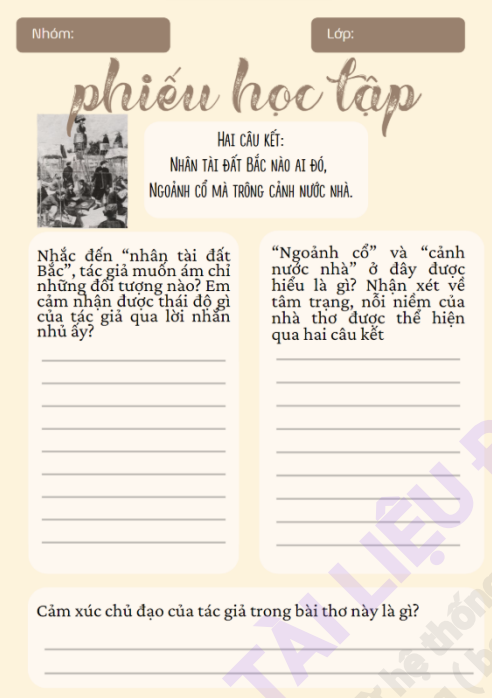 Nhóm: Lớp: phiếu học tập HAI CÂU KẾT: NHÂN TÀI ĐẤT BẮC NÀO AI ĐÓ, NGOẢNH CỔ MÀ TRÔNG CẢNH NƯỚC NHÀ. Nhắc đến "nhân tài đất Bắc", tác giả muốn ám chỉ những đối tượng nào? Em cảm nhận được thái độ gì của tác giả qua lời nhắn nhủ ấy? "Ngoảnh cổ" và "cảnh nước nhà" ở đây được hiểu là gì? Nhận xét về tâm trạng, nỗi niềm của nhà thơ được thể hiện qua hai câu kết Cảm xúc chủ đạo của tác giả trong bài thơ này là gì? **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ** HS tiếp nhận nhiệm vụ **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** - HS trình bày sản phẩm nhóm - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động** - GV nhận xét, đánh giá. Sau khi tìm hiểu xong bài thơ, GV tổ chức **hoạt động chia sẻ:** "Nhân vật nào trong bài thơ để lại ấn tượng cho em nhiều nhất? Vì sao?"	**4. Hai câu kết** - "Nhân tài đất Bắc" + "Nhân tài" mà chẳng phải nhân tài (quan trường, sĩ tử) → cười chế giễu + "Nhân tài" gồm những người có tài, có tâm với đất nước. → lời tâm sự, nhắn nhủ xót xa của tác giả. - "ngoảnh cổ" + Thái độ, tâm thế không cam tâm sống mãi trong cảnh đời nô lệ. - "cảnh nước nhà" + Hiện trạng đất nước và nỗi nhục mất nước **- Tâm trạng thái độ:** + Ngao ngán, xót xa trước sự sa sút của đất nước. + Thái độ mỉa mai, phẫn uất của nhà thơ với chế độ thi cử đương thời và đối với con đường khoa cử của riêng ông. ➔Hai câu cuối như một lời nhắn nhủ các sĩ tử về nỗi nhục mất nước. Nhà thơ hỏi người nhưng cũng chính là hỏi mình. ➔ **Tiếng cười trào phúng luôn hòa cùng tiếng khóc đau xót**
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	**III. Tổng kết**

TÀI LIỆU ĐÃ BAN HÀNH

- GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ. **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** - HS trả lời câu hỏi - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động** - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức	**1. Nghệ thuật** - Tuân thủ theo đúng luật thơ đường luật thất ngôn bát cú - Kết hợp hài hòa giữa trào phúng và trữ tình **2. Nội dung** Bài thơ ghi lại cảnh "nhập trường" vừa ghi lại cảnh lễ xướng danh qua đó nói lên tâm trạng đau đớn, chua xót của nhà thơ trước hiện thực mất nước, giao thời nhốn nháo, nhố nhăng

Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

* Đối với HS khuyết tật nghe -nói:

Làm được các bài tập nhận biết

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 5p

GV tổ chức trò chơi VƯỢT VŨ MÔN

Câu 1: Bài thơ "Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu" được viết bằng thể thơ nào sau đây?

A. Thất ngôn tứ tuyệt

B. Thất ngôn bát cú

C. Thất ngôn thiên trường

D. Ngũ ngôn bát cú

Câu 2: Kỳ thi Hương - Khoa Đinh Dậu (1897) được Trần Tế Xương viết trong bài "Vịnh khoa thi Hương" diễn ra ở đâu?

A. Hà Nội

B. Nam Kì

C. Nam Định

D. Hà Nam

Câu 3: Cảnh trường thi như thế nào qua hai câu thơ "Lôi thôi sĩ tử vai đeo lọ; Ậm oẹ quan trường miệng thét loa"?

A. Thật bát nháo, kì quặc và ô hợp.

B. Thật tưng bừng sinh động.

C Thật căng thẳng và hồi hộp.

D. Thật quy mô và nghiêm túc.

Câu 4: Thái độ và tâm trạng của tác giả thể hiện như thế nào trước cảnh trường thi trong bài "Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu".

A. Vui mừng và tự hào

TÀI LIỆU ĐÃ BAN HÀNH
Được tải từ hệ thống edoc.smas.edu.vn lúc 10:10 10/12/2025
bởi Nguyễn Thị Hương (badong_huongnguyen) – TRƯỜNG THCS BA ĐỘNG

B. Chán ngán, xót xa, đau đớn.
C. Tiếc nuối, bâng khuâng
D. Phẫn uất, ngậm ngùi
Câu 5: Giá trị châm biếm của bài thơ bộc lộc rõ nét nhất qua hai câu thơ nào?
A. Nhà nước ba năm mở một khoa/ Trường Nam thi lẫn với trường Hà.
B. Lôi thôi sĩ tử vai đeo Lọ/ Ậm oẹ quan trường miệng thét loa.
C. Lọng cắm rợp trời quan sứ đến/ Váy lê quét đất mụ đầm ra.
D. Nhân tài đất Bắc nào ai đó/ Ngoảnh cổ mà trông cảnh nước nhà.
Câu 6: Trần Tế Xương viết bài "Vịnh khoa thi Hương" với dụng ý gì?
A. Tác giả vẽ nên một phần hiện thực nhốn nháo, ô hợp của xã hội thực dân nửa phong kiến buổi đầu, đồng thời nói lên tâm sự của mình trước tình cảnh đất nước.
B. Bài thơ ghi lại cảnh "nhập trường" vừa ghi lại cảnh lễ xướng danh qua đó nói lên tâm trạng đau đớn, chua xót của nhà thơ trước hiện thực mất nước, giao thời nhốn nháo, nhố nhăng.
C. Ca ngợi những thí sinh thi đỗ ở kì thi năm Đinh Dậu
D. Đáp án A và B
- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.
b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.
c. Sản phẩm học tập: Sản phẩm của HS.
d. Tổ chức thực hiện: 5p
GV yêu cầu: Viết đoạn văn (khoảng 7-9 câu) phân tích một chi tiết có tính chất trào phúng mà em ấn tượng nhất trong bài thơ "Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu"

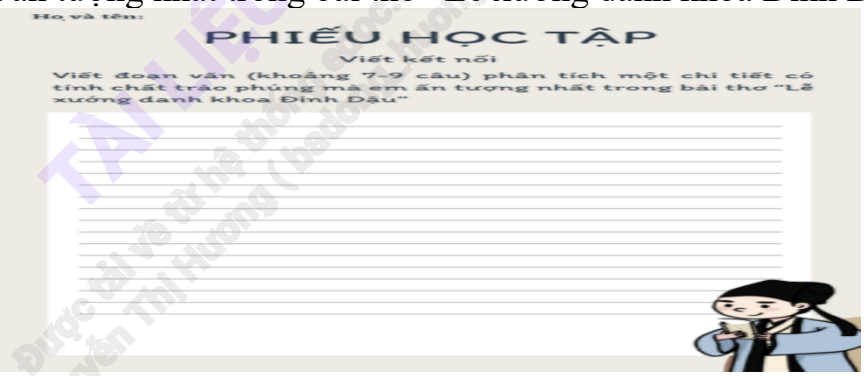
Họ và tên:
PHIẾU HỌC TẬP
Viết kết nối
Viết đoạn văn (khoảng 7-9 câu) phân tích một chi tiết có tính chất trào phúng mà em ấn tượng nhất trong bài thơ "Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu"

Rút kinh nghiệm
……
……
……

Tiết 45 **THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

I. Mục tiêu
1. Về năng lực:
a. Năng lực đặc thù

- Nhận biết được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ, thành ngữ của yếu tố Hán Việt đó

b. Năng lực chung

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.
- Tự chủ và tự học, tự thu thập, tổng hợp và phân loại thông tin.

2. Về phẩm chất:

- Nhân ái: yêu quý và bảo vệ thiên nhiên, yêu ngôn ngữ dân tộc.
- Chăm chỉ: chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi, hoàn thành các bài tập.
- Trách nhiệm: có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao, cùng đội nhóm hoàn thành nhiệm vụ.

* Đối với HS khuyết tật nghe -nói:

- Viết được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ, thành ngữ của yếu tố Hán Việt đó

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

III. Tiến trình dạy học

Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

* Đối với HS khuyết tật nghe -nói:

- Tạo đứng hứng thú học tập cho HS.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:5p

- GV tổ chức hoạt động: "NHÀ THÔNG THÁI": Tìm từ Hán Việt tương ứng với các từ/cụm từ thuần Việt sau đây.

+ cỏ cây - thảo mộc
+ năng lực về trí tuệ - trí lực
+ (đất nước, đời sống) yên ổn, êm ấm, ko có loạn lạc, chiến tranh,, - thái bình
+ vợ - phu nhân
+ anh em - phu nhân
+ vua của một nước - quốc vương

- GV dẫn dắt vào bài học mới: *Ngôn ngữ của chúng ta rất đa dạng. Để giao tiếp hay và hiệu quả thì việc sử dụng kết hợp giữa ngôn ngữ thuần Việt và Hán Việt là điều cần thiết. Chúng ta cùng tìm hiểu một số ý nghĩa, nội dung của từ Hán Việt trong tiết học Thực hành tiếng Việt ngày hôm nay!*

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

a. Mục tiêu: HS tìm hiểu kiến thức về Cách giải thích nghĩa của từ Hán Việt và Hiện tượng đồng âm giữa một số yếu tố Hán Việt

* Đối với HS khuyết tật nghe -nói:

- Viết được nội dung cơ bản của bài học.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:15p

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ **Thao tác 1**: Tìm hiểu về cách giải thích nghĩa của từ Hán Việt **- GV đặt câu hỏi gợi dẫn:** Muốn giải thích nghĩa của từ Hán Việt, em có thể sử dụng những cách nào? **Thao tác 2:** Hiện tượng đồng âm giữa một số yếu tố Hán Việt **- GV đặt câu hỏi gợi dẫn:** Khi sử dụng từ Hán Việt, cần lưu ý hiện tượng đồng âm: các yếu tố Hán Việt cùng âm, nhưng nghĩa khác xa nhau và không có liên quan gì với nhau. **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	**I. Hình thành kiến thức** **1. Cách giải thích nghĩa của từ Hán Việt** - Tra từ điển, đặt từ vào các ngữ cảnh để suy luận ra nghĩa của từ cần giải nghĩa. - Tách các yếu tố, các tiếng trong từ cần giải thích nghĩa. - Giải nghĩa các yếu tố vừa có. - Ghép các nghĩa của những yếu tố vừa giải thích để có được nghĩa của từ hoàn chỉnh. **2. Hiện tượng đồng âm giữa một số yếu tố Hán Việt** - Khi sử dụng từ Hán Việt, cần lưu ý hiện tượng đồng âm: **các yếu tố Hán Việt cùng âm, nhưng nghĩa khác xa nhau và không có liên quan gì với nhau.** **- Giới 1** với nghĩa là "cõi, nơi tiếp giáp" trong các từ như: *giới hạn, giới thuyết, giới tuyến, biên giới, địa giới, giáp giới, hạ giới, phân giới, ranh giới, thượng giới, tiên giới.* **- Giới 2** với nghĩa "răn, kiêng" trong các từ như: *giới nghiêm, cảnh giới, phạm giới, thụ giới.* **- Giới 3** với nghĩa "ở giữa, làm trung gian" trong các từ như: *giới thiệu, môi giới.* **- Giới 4** với nghĩa "đồ kim khí, vũ khí" trong các từ như: *cơ giới, cơ giới hóa, binh giới, khí giới, quân giới.* **- Giới 5** với nghĩa chỉ một loài cây: *kinh giới*

Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: HS vận dụng được những tri thức đã biết để giải các bài tập về biệt ngữ xã hội

* Đối với HS khuyết tật nghe -nói:

- Làm được bài tập nhận biết

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 20p

<table>
<tr><th>HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS</th><th>DỰ KIẾN SẢN PHẨM</th></tr>
<tr>
<td>
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ
GV chia HS thành 4 nhóm
+ Vòng 1: Tìm nhanh – giải nghĩa đúng
+ Vòng 2: Mở rộng vốn từ - siêu từ điển
+ Vòng 3: Xếp từ theo nhóm
+ Vòng 4: Biết Tuốt học tiếng Việt các nhóm sẽ cùng trải qua 4 vòng thi. Yêu cầu của mỗi vòng lần lượt tương ứng với các bài tập 1,2,3,4. Thời gian thảo luận của mỗi vòng là 3 phút. Nhóm nào có tín hiểu giơ tay trước, sẽ giành quyền trả lời. Nhóm nào chiến thắng ở nhiều vòng nhất sẽ giành chiến thắng.
Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ
- HS tiếp nhận nhiệm vụ
Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận
- HS hoàn thành bài tập
- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ
- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức
</td>
<td>
Bài tập 1
<table>
<tr><th>Yếu tố Hán Việt</th><th>Giải nghĩa</th><th>Từ Hán Việt</th></tr>
<tr><td>Sĩ</td><td>Học trò, người có học vấn</td><td>Sĩ diện, học sĩ, sĩ phu, danh sĩ,…</td></tr>
<tr><td>Tử</td><td>Một người nào đấy, thành phần cấu tạo nên một chỉnh thể nào đấy</td><td>Lãng tử, tài tử, nữ tử, nam tử, sĩ tử, phần tử,…</td></tr>
<tr><td>Quan</td><td>- chức vụ trong bộ máy nhà nước phong kiến, thực dân
- Viên chức có quyền hành trong bộ máy nhà nước phong kiến, thực dân</td><td>Quan văn, quan võ, quan sứ, quan lại, quan trường,…</td></tr>
<tr><td>Trường</td><td>- khoảng đất trống rộng rãi
- Nơi tụ họp đông người
- Nơi, chỗ</td><td>Quảng trường, trường sở, hiện trường, công trường, trường học, thị trường</td></tr>
<tr><td>Sứ</td><td>Người thực hiện mệnh lệnh của nhà nước làm việc ở nước ngoài</td><td>Sứ giả, sứ thần, công sứ, quan sứ, sứ quán,…</td></tr>
<tr><td>Nhân</td><td>Người</td><td>Nhân văn, nhân khẩu, nhân lực, yếu nhân, vĩ nhân, đại nhân,…</td></tr>
<tr><td>Tài</td><td>Có năng lực, giỏi</td><td>Tài năng, tài hoa, tài nghệ, tài đức, hiền tài, đại tài, thiên tài</td></tr>
</table>

Bài tập 2
</td>
</tr>
</table>

TÀI LIỆU ĐÃ BAN HÀNH

Yếu tố Hán Việt	Từ có yếu tố Hán Việt
gian (lừa dối, xảo trá)	*gian ác, gian giảo, gian hiểm, gian hùng, gian lận, gian manh, gian phu, gian tà, gian tặc, gian tham, gian thần, gian thương, gian trá, gian xảo, tà gian..*
gian (giữa, khoảng giữa)	*trung gian, dân gian, dương gian, không gian, nhân gian, thế gian, thời gian, trần gian…*
gian (khó khăn, vất vả)	*gian khổ, gian nan, gian nguy, gian truân,…*

Bài tập 3

a**. - nam (phương nam):** *kim chỉ nam, nam phong, phương nam*

- nam (nam giới): *nam quyền, nam sinh, nam tính*

b. **- thủy (nước):** *thủy triều, thủy lực, hồng thủy*

- thủy (khởi đầu): *thủy tổ, khởi thủy, nguyên thủy*

c. - **giai (ngôi, bậc):** *giai cấp, giai điệu, giai nhân, giai phẩm, giai thoại, giai đoạn*

- giai (đều, cùng): *bách niên giai lão*

Bài tập 4

	Giải thích nghĩa	Đặt câu
a.	Điều chưa từng xảy ra trong quá khứ và cũng rất khó xảy ra trong tương lai	Thành tích của anh ấy là vô tiền khoáng hậu
b.	Lấy sự hài hòa, hòa khí làm mục đích cao nhất	Anh em với nhau thì không nên tranh chấp như vậy, dĩ hòa vi quý thì hơn
c.	Ngủ cùng giường nhưng mơ những giấc mơ khác nhau (cùng sống với nhau nhưng tâm tư, tình cảm không giống nhau hoặc cùng làm	Tôi và anh chỉ là đồng sàng dị mộng mà thôi, không thể hợp tác trong công việc này

TÀI LIỆU ĐÃ BAN HÀNH

		việc nhưng không cùng chí hướng)	
	d.	Nhiều người cùng nói một lời như nhau	Bọn nó chúng khẩu đồng từ như vậy, ai mà cãi được
	e.	Thứ độc đáo, duy nhất, chỉ có một mà không có hai	Món quà cô ấy làm tặng mẹ quả là độc nhất vô nhị

Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 5p

- GV tổ chức trò chơi "ĐẤU TRÍ"

Gv chia lớp thành 2 đội

Vòng 1: Đội 1 tìm từ Hán Việt và yêu cầu thành viên bất kì ở Đội 2 giải thích nghĩa, tìm từ tương ứng (và ngược lại)

Vòng 2: Đội 2 tìm từ Hán Việt và yêu cầu thành viên bất kì ở Đội 1 giải thích nghĩa, tìm từ tương ứng

Thời gian: 10 giây/vòng

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Rút kinh nghiệm

……
……
……

Tiết 46,47. Văn bản 2

LAI TÂN

Hồ Chí Minh

I. Mục tiêu

1. Về năng lực:

a. Năng lực đặc thù

- Thấy được tình trạng thối nát phổ biến của bọn quan lại Trung Quốc thời Tưởng Giới Thạch.
- Hiểu được nghệ thuật châm biếm độc đáo của nhà thơ.
- Nhận biết được thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật.
- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

b. Năng lực chung

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.
- Tự chủ và tự học, tự thu thập, tổng hợp và phân loại thông tin

2. Về phẩm chất:

TÀI LIỆU ĐÃ BAN HÀNH

- Nhân ái: có ý thức phê phán cái xấu, cái tiêu cực và hướng tới những điều tốt đẹp cả trong suy nghĩ và hành động
- Chăm chỉ: chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi, hoàn thành các bài tập.
- Trách nhiệm: có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao, cùng đội nhóm hoàn thành nhiệm vụ.

* Đối với HS khuyết tật nghe -nói:

- Viết được tình trạng thối nát phổ biến của bọn quan lại Trung Quốc thời Tưởng Giới Thạch.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Thiết bị dạy học

- Kế hoạch bài dạy
- SGK, SGV
- Máy chiếu, máy tính

2. Học liệu

- Hình ảnh, phiếu học tập, trò chơi liên quan đến nội dung bài học.

III. Tiến trình dạy học

Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho học sinh kết nối vào nội dung bài học

* Đối với HS khuyết tật nghe -nói:

- Tạo tâm lý thoải mái, hứng thú, hòa đồng cho HS.

b. Nội dung: GV tổ chức hoạt động gợi dẫn bằng hoạt động

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện: 5p

GV tổ chức hoạt động: THEO DẤU CHÂN BÁC: Bác Hồ (Nguyễn Ái Quốc, Hồ Chí Minh) đã bôn ba khắp năm châu bốn biển để tìm con đường cứu nước. Kể tên một số nơi Bác đã từng đặt chân tới.

→ GV dẫn dắt vào bài học: *Trong suốt hành trình 30 năm bôn ba tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc ấy, Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc đã đi qua 3 đại dương, 4 châu lục, qua gần 30 quốc gia, hàng trăm thành phố, vượt qua muôn vàn gian khổ, chông gai và làm rất nhiều nghề để kiếm sống, với quyết tâm cháy bỏng: "Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi, đấy là tất cả những điều tôi muốn, đấy là tất cả những điều tôi hiểu". Trong bài học ngày hôm nay, chúng ta cùng tìm hiểu rõ hơn về tài năng, trí tuệ và nhân cách của Bác qua văn bản* ***"Lai Tân"***

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Phần I. Đọc- Tìm hiểu chung

a. Mục tiêu: Đọc văn bản và nắm được thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm.

* Đối với HS khuyết tật nghe -nói:

Viết được nội dung bài học.

b. Nội dung: GV đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 15p

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ **- GV** hướng dẫn học sinh đọc văn bản. **- GV** hướng dẫn học sinh tìm hiểu những nét cơ bản về **tác giả** thông qua đoạn video và mở rộng cho HS: Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Bác đã dùng văn chương như một thứ vũ khí sắc bén để đấu tranh với kẻ thù. Bác ra đi không chỉ để lại một sự nghiệp cách mạng vĩ đại mà còn để lại một sự nghiệp văn học lớn lao. Một trong những quan điểm nghệ thuật của Người là "Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận, anh chị em nghệ sĩ là chiến sĩ trên mặt trận ấy". Trong một bài thơ Bác viết ở nhà lao Tưởng Giới Thạch cũng có câu: " Nay ở trong thơ nên có thép Nhà thơ cũng phải biết xung phong". **- GV** tổ chức **Hoạt động nhóm bàn** hướng dẫn học sinh tìm hiểu những nét cơ bản về tác phẩm. **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ** HS tiếp nhận nhiệm vụ **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** - HS quan sát, lắng nghe, hoàn thành Phiếu học tập **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**	**I. Đọc- Tìm hiểu chung** **1. Đọc** - Đọc to, rõ ràng, diễn cảm - Đọc theo thứ tự bản Phiên âm – dịch nghĩa – dịch thơ - Giọng điệu: khoan thai, nhẹ nhàng nhưng châm biếm, giễu cợt - Chú ý chiến lược đọc được nêu ở bên phải văn bản. **2. Tìm hiểu chung** **a. Tác giả** - Là nhà cách mạng, chiến sĩ, thi sĩ và là vị lãnh tụ đáng kính của nước Việt Nam. - Người sáng tác ở nhiều thể loại: Thơ, văn chính luận, viết báo,… - Một số tác phẩm nổi tiếng: *Nhật kí trong tù, Tuyên ngôn độc lập,…* **b. Tác phẩm** **- Xuất xứ**: Bài thơ thứ 96, trích "Nhật kí trong tù", Hồ Chí Minh **- Hoàn cảnh sáng tác**: Sáng tác trong khoảng bốn tháng đầu của thời gian Hồ Chí Minh bị giam giữ tại các nhà tù của bọn Quốc dân đảng Trung Quốc ở Quảng Tây **- Thể thơ**: Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật **- PTBĐ**: Biểu cảm. **- Bố cục** + 3 câu đầu: Thực trạng chính quyền Lai Tân + Câu cuối: Thái độ của tác giả

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung	

Phần II. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được

- Thực trạng chính quyền Lai Tân
- Thái độ của tác giả

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi, hoàn thành phiếu học tập

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 60p

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ **GV tổ chức Hoạt động nhóm và yêu cầu HS hoàn thành PHT** - Hoàn thiện phiếu học tập Tìm hiểu thực trạng chính quyền Lai Tân - Thời gian: 10 phút (Khuyến khích các nhóm kết hợp tranh vẽ, hình ảnh,…thuyết trình) **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ** HS tiếp nhận nhiệm vụ **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** - HS hoàn thành Phiếu học tập và báo cáo - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động** - GV nhận xét, đánh giá. **GV mở rộng:** Theo em, huyện trưởng "chong đèn" để làm việc gì? Có phải tác giả muốn dành tặng lời khen cho huyện trưởng vì đã làm việc chăm chỉ? - "chong đèn": đang thực hiện công việc của mình đến tận khuya. + Năng lực huyện trưởng kém, nên có làm việc tận khuya thì sự thối nát, mục ruỗng trong bộ máy cai trị địa phương (mà ông ta là	**II. Khám phá văn bản** **1. Thực trạng chính quyền Lai Tân** **a. Các nhân vật trong bài thơ** **- Ban trưởng nhà lao:** Trông coi tù nhưng ngày ngày đánh bạc **- Cảnh trưởng:** Giải người nhưng tham ăn tiền của phạm nhân **- Huyện trưởng:** chong đèn làm "công việc" → Là công chức, viên chức thuộc bộ máy chính quyền, những người thuộc giai tầng thống trị trong xã hội. → Không làm đúng chức năng của mình ➔ **Tính lố bịch, tạo tiếng cười trào phúng.** **b. Giọng điệu trào phúng trong bài thơ** **- Hai câu thơ đầu**: Giọng điệu đả kích (từ ngữ thô mộc, suồng sã) **- Câu thơ thứ ba**: Mỉa mai – châm biếm (tạo ra yếu tố vô lí hoặc thiếu lô-gic, đảo lộn trật tự thông thường) → Tác giả hướng tiếng cười vào giai tầng thống trị trong xã hội để châm biếm, đả kích, tố cáo tình trạng mục nát, ở Lai Tân thời bấy giờ. → Cái thối nát cực đại trở thành sự thường, được che đậy khéo léo để cuộc sống yên ổn. ➔ **Tiếng cười phê phán có chiều sâu trí tuệ.** ➔ Chỉ bằng ba câu thơ kể, tả bình thản, bộ máy lãnh đạo của huyện Lai Tân đã hiện ra một cách rõ nét với những mặt tiêu cực, từ đó làm nổi bật lên sự thối nát của chính quyền huyện.

người đứng đầu) vẫn không thay đổi + Huyện trưởng không kém, nhưng "công việc" mà ông ta làm tận khuya không phải là việc có ích cho người dân, cho xã hội, mà là một công việc mờ ám nào đó	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: **GV đặt câu hỏi:** Xác định mâu thuẫn trái tự nhiên giữa 3 câu thơ đầu với câu thơ cuối. Qua từ "thái bình" ở câu thơ cuối, em nhận ra sắc thái của tiếng cười trào phúng trong bài thơ là gì? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - HS tiếp nhận nhiệm vụ **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS báo cáo kết quả, nhận xét. **Bước 4: Kết luận, nhận định.** GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. **GV bình mở rộng:** Một trong những bút pháp để tạo ra tiếng cười trong nghệ thuật trào phúng là khai thác mâu thuẫn trái tự nhiên Hai chữ "thái bình" cuối văn bản vì thế vừa miêu tả được vẻ bề ngoài yên bình, tốt đẹp giả tạo, vừa là cách nói ngược để tạo tiếng cười trào phúng, châm biếm nhẹ nhàng mà sâu cay Bài thơ được viết vào giai đoạn đất nước Trung Quốc bị phát xít Nhật xâm lược, nhân dân Trung Quốc phải rên xiết dưới sự thông trị của ngoại bang và sâu mọt trong bộ máy quan lại chính quyền Tường Giới Thạch. Bộ mặt quan lại nhà tù Lai Tân được khắc hoạ đầy đủ, rõ nét với chỉ bốn câu thơ. → phê phán tình trạng thôi nát phổ biến của bọn	**2. Thái độ của tác giả** **Mâu thuẫn trái tự nhiên** - Ba câu đầu kể về những việc bất bình thường theo lẽ thường - Kết luận bằng một câu phơi bày thực trạng xã hội: "Trời đất Lai Tân vẫn thái bình" + "Thái bình" khi mà ban trưởng vi phạm pháp luật (đánh bạc) + Cảnh trưởng chỉ tìm cách tư lợi (kiếm ăn quanh) → Thái bình giả tạo, cách nói ẩn dụ, ví von ➔ **Cái bất thường bỗng chốc trở thành bình thường, đó là tiếng cười được tạo ra một cách chua cay.**

quan lại và xã hội Trung Quốc dưới thời cầm quyền của Quốc dân đảng.	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS khái quát nội dung, nghệ thuật của bài và rút ra cách đọc hiểu thơ trào phúng. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ. **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** - HS trả lời câu hỏi - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động** - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức	**III. Tổng kết** **1. Nghệ thuật** **- Nghệ thuật đối:** đối giữa hình thức, hành động và bản chất, vị trí của các nhân vật. **- Ngôn ngữ: t**hể hiện sự đả kích, mang tính suồng sã (kiếm ăn, đánh bạc,…) **- Giọng điệu thơ:** mỉa mai, châm biếm. **2. Nội dung** - Bài thơ tái hiện lại cảnh cuộc sống – xã hội ở Lai Tân qua chi tiết những quan lại, bộ máy chính quyền ở đây: thối nát, lợi dụng chức quyền để làm hại nhân dân. - Bài thơ thể hiện tiếng cười châm biếm, đả kích sâu cay đối với những giả dối còn đang tồn tại trong xã hội Lai Tân đương thời. **3. Cách đọc hiểu thơ trào phúng** - Xác định được đối tượng trào phúng và tiếng cười trào phúng (hài hước, mỉa mai, châm biếm, đả kích) - Xác định nghệ thuật xây dựng tiếng cười trào phúng: nói quá, ẩn dụ,… - Liên hệ, thay đổi cách sống, cách nhìn nhận vấn đề.

Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

* Đối với HS khuyết tật nghe -nói:

Làm được các bài tập nhận biết

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 5p

GV tổ chức trò chơi ĐÀO VÀNG

1. Sắc thái châm biếm, mỉa mai của bài thơ thể hiện ở câu thơ nào?

A. Ban trưởng nhà lao chuyên đánh bạc.

B. Giải người, cảnh trưởng kiếm ăn quanh.

C. Chong đèn, huyện trưởng làm công việc.

D. Trời đất Lai Tân vẫn thái bình.

2. Ban trưởng ở nhà lao Lai Tân có tật xấu nào?

A. Háo sắc.

B. Hút thuốc phiện

C. Đánh bạc.

D. Ăn hối lộ

3. Ý nghĩa của câu thơ "Trời đất Lai Tân vẫn thái bình" là gì?

A. Khen ngợi những việc làm của quan lại Lai Tân.

B. Ca ngợi sự cần mẫn "làm công việc" của huyện trưởng.

C. Thể hiện sự phê phán, mỉa mai của tác giả.

D. Phản ánh hiện thực xã hội Lai Tân thái bình

4. Nhà thơ tố cáo tội nào của tên huyện trưởng ?

A. Đánh bạc

B. Vòi vĩnh, nhũng nhiễu, ăn hối lộ

C. Quan liêu, vô trách nhiệm

D. Ăn cắp

5. Câu thơ cuối của bài thơ bộc lộ thái độ gì của tác giả?

A. Châm biếm, đả kích, mỉa mai

B. Ca ngợi, tự hào

C. Trân trọng, biết ơn

- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Sản phẩm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:5p

GV yêu cầu HS: Viết đoạn văn (khoảng 7 - 9 câu) làm rõ chất trào phúng nhẹ nhàng mà sâu cay của bài thơ Lai Tân qua lời nhận xét: *"Trời đất Lai Tân vẫn thái bình*".

Mở đoạn

- Giới thiệu bài thơ.
- Giới thiệu câu thơ cuối: "Trời đất Lai Tân vẫn thái bình".

Thân đoạn

- Phân tích ý nghĩa thực của từ "thái bình" (theo nghĩa từ điển)
- Phân tích những biểu hiện của "thái bình" trong bài thơ.
- Rút ra giọng điệu mỉa mai, châm biếm

Kết đoạn: Khẳng định sự cần thiết của câu thơ cuối, qua đó nhấn mạnh sắc thái trào phúng sâu cay của văn bản.

Rút kinh nghiệm

……

……

……

Tiết 48. **THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

I. Mục tiêu

1. Về năng lực:

a. Năng lực đặc thù

- Hiểu được sắc thái nghĩa của từ ngữ và biết lựa chọn, sử dụng từ ngữ phù hợp với sắc thái.

b. Năng lực chung

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.
- Tự chủ và tự học, tự thu thập, tổng hợp và phân loại thông tin.

2. Về phẩm chất:

- Nhân ái: yêu quý và bảo vệ thiên nhiên, yêu ngôn ngữ dân tộc.
- Chăm chỉ: chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi, hoàn thành các bài tập.
- Trách nhiệm: có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao, cùng đội nhóm hoàn thành nhiệm vụ.

* Đối với HS khuyết tật nghe -nói:

Viết được nghĩa của từ ngữ và biết lựa chọn, sử dụng từ ngữ phù hợp với sắc thái.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

III. Tiến trình dạy học

Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

* Đối với HS khuyết tật nghe -nói:

- Tạo tâm lý thoải mái, hứng thú, hòa đồng cho HS.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:5p

- GV yêu cầu: Hãy đặt câu miêu tả về ngoại hình của người phụ nữ.

- GV dẫn dắt vào bài học mới: *Để miêu tả về ngoại hình của người phụ nữ, có bạn đã đặt câu nói rằng người phụ nữ này chưa được đẹp, người phụ nữ này béo quá, người phụ nữ này mập quá, người phụ nữ này thừa cân….. Có rất nhiều cách để chúng ta miêu tả một đối tượng, sử dụng nhiều từ ngữ với nhiều sắc thái khác nhau để làm rõ đối tượng. Vậy, sắc thái nghĩa của từ ngữ là gì và việc lựa chọn từ ngữ như thế nào cho phù hợp với ngữ cảnh? Chúng ta sẽ cùng tới bài học ngày hôm nay.*

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

a. Mục tiêu: HS tìm hiểu kiến thức về Sắc thái nghĩa của từ ngữ và những lưu ý khi sử dụng.

* Đối với HS khuyết tật nghe -nói:

Viết được nội dung bài học.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện: 15p

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ **Thao tác 1**: Tìm hiểu về Sắc thái nghĩa của từ ngữ **- GV đặt câu hỏi gợi dẫn:** Em hiểu thế nào là sắc thái nghĩa của từ ngữ? **- GV phân tích ví dụ** (ăn- xơi; trắng tinh- trắng hếu) **- GV đặt câu hỏi:** + Em hãy nêu một số sắc thái nghĩa cơ bản thường gặp + So với các từ ngữ thuần Việt có nghĩa tương đồng, việc sử dụng nhóm từ ngữ Hán Việt thường có tác dụng gì? **Thao tác 2:** Những lưu ý khi sử dụng **- GV đặt câu hỏi gợi dẫn:** Theo em, để đạt hiệu quả khi sử dụng từ ngữ có sắc thái, ta phải lưu ý điều gì? **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	**I. Hình thành kiến thức** **1. Sắc thái nghĩa của từ ngữ** - Sắc thái nghĩa của từ ngữ là phần nghĩa bổ sung cho nghĩa cơ bản, thể hiện thái độ, cảm xúc, cách đánh giá của người dùng đối với tượng được nói đến. - *ăn – xơi* + *ăn* có tính chất trung tính + *xơi* có sắc thái trang trọng - *trắng tinh – trắng hếu* + *trắng tinh* có sắc thái nghĩa tích cực (tốt nghĩa) + *trắng hếu* có sắc thái nghĩa tiêu cực (xấu nghĩa) **- Một số sắc thái nghĩa cơ bản thường gặp** + tiêu cực + trang trọng + xấu nghĩa + tích cực + suồng sã - So với các từ ngữ thuần Việt có nghĩa tương đồng, nhóm từ ngữ Hán Việt thường gợi ấn tượng về sự cổ kính, trang trọng. + Sắc thái cổ kính, ví dụ: *Sóng gợn* ***tràng giang*** *buồn điệp điệp* (Huy Cận, *Tràng giang).* Nếu thay *tràng giang* bằng *sông dài* thì câu thơ của Huy Cận sẽ mất đi sắc thái này. + Sắc thái trang trọng, ví dụ: *Hôm nay,* ***phu nhân*** *Thủ tướng đến thăm các cháu ở nhà trẻ Hoa Hồng.* Cách dùng từ phu nhân (thay vì dùng từ *vợ*) phù hợp với vị thế của người được nói đến. **2. Lưu ý** Trong giao tiếp, cần chú ý sử dụng từ ngữ có sắc thái nghĩa phù hợp để phát huy được hiệu quả biểu đạt.

Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: HS vận dụng được những tri thức đã biết để giải các bài tập về biệt ngữ xã hội.

* Đối với HS khuyết tật nghe -nói:

Làm được các bài tập nhận biết.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 20p

<table>
<tr><th>HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS</th><th>DỰ KIẾN SẢN PHẨM</th></tr>
<tr><td>
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ
GV chia HS thành 4 nhóm
- Nhóm 1: Bài 1
- Nhóm 2: Bài 2
- Nhóm 3: Bài 3
- Nhóm 4: Bài 4
Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ
- HS tiếp nhận nhiệm vụ
Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận
- HS hoàn thành bài tập nhóm
- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ
- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức
</td><td>
Bài tập 1
- ngắn, cao, lên tiếng, chậm rãi: sắc thái trung tính
- cụt lủn, lêu nghêu, cao giọng, chậm chạp: sắc thái tiêu cực
+cụt lủn là ngắn đến mức đáng ngại
+ lêu nghêu là cao quá cỡ
→ mất cân đối, thiếu thẩm mĩ.
+ cao giọng có phần nghĩa giống với lên tiếng: phát biểu ý kiến để biểu thị quan điểm, thái độ về một vấn đề nào đó; tuy nhiên, cao giọng thể hiện thái độ bề trên và không đúng đắn.
+ chậm chạp là có tốc độ, nhịp độ dưới mức bình thường rất nhiều (quá chậm) hoặc không được nhanh nhẹn, thiếu linh hoạt. Từ chậm chạp còn thể hiện ý không mong muốn hay đánh giá tiêu cực của người dùng từ này về đối tượng được nói đến.
Bài tập 2
<table>
<tr><th>Stt</th><th>Từ Hán Việt</th><th>Giải nghĩa</th><th>Đặt câu</th></tr>
<tr><td>1</td><td>Loạn lạc</td><td>Tình trạng xã hội lộn xộn, không có trật tự, an ninh do có loạn</td><td>Thời buổi loạn lạc, làm việc gì cũng phải cẩn trọng cháu ạ!</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Gian nan</td><td>Có nhiều khó khăn, gian khổ phải vượt qua</td><td>Để doanh nghiệp có thành tựu hôm nay, anh ấy đã phải trải qua rất nhiều gian nan.</td></tr>
</table>
</td></tr>
</table>

	3	Triều đình	Nơi các quan vào chầu vua và bàn việc nước, thường dùng để chỉ cơ quan trung uong của nhà nước quân chủ, do vua trực tiếp đứng đầu	Ta phụng mệnh *triều đình* mà hành sự, các ngươi không thể không tuân theo.	
	4	Tể phụ	Chức quan hàng đầu triều đình giúp vua trị nước, thông thường chỉ Tể tướng	Các quan đều chăm chú lắng nghe khi quan *tể phụ* dâng tấu lên nhà vua.	
	5	Thác mệnh	Mượn nhờ mệnh lệnh	Hắn *thác mệnh* nhà vua để ra oai với bà con bách tính.	
	6	Không cùng	Không có chỗ tận cùng, không có giới hạn	Tham vọng về tiền bạc và địa vị của hắn là *không cùng*.	
	7	Giả hiệu	Chỉ trên danh nghĩa chứ thực chất không phải; mượn danh hiệu	Gã ấy là một kẻ quân tử *giả hiệu.*	

		khác, cốt để đánh lừa	

Bài tập 3

a. Từ **vĩ đại** mang sắc thái trang trọng hơn so với từ **to lớn**

b. - Từ **chết** trung tính.

- Từ **hi sinh** mang sắc thái trang trọng, cho thấy đó là cái chết vì mục đích tốt đẹp, cao cả.
- Từ **mất** mang sắc thái giảm nhẹ so với chết

Bài tập 4

a.

Stt	**Từ Hán Việt**	**Từ đồng nghĩa thay thế từ Hán Việt**
1	phu nhân	Vợ
2	Đế vương	Bậc vua chúa
3	Thiên hạ	Mọi người
4	Nội thị	Người hầu trong cung

b. Việc sử dụng các từ ngữ in đậm đó đã đem lại sắc thái cổ kính, trang trọng cho lời văn

Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 5p

- GV yêu cầu: Hãy tìm những từ phù hợp dùng để miêu tả lại đặc điểm, tính chất của sự vật, sự việc, con người…được tái hiện qua bức tranh dưới đây. Đặt 1 câu thể hiện sắc thái trang trọng, 1 câu thể hiện sắc thái trung tính, 1 câu thể hiện sắc thái suồng sã…

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Rút kinh nghiệm

……
……
……

Tiết. 49: Văn bản 3

MỘT SỐ GIỌNG ĐIỆU CỦA TIẾNG CƯỜI TRONG THƠ TRÀO PHÚNG

Trần Thị Hoa Lê

I. Mục tiêu

1. Về năng lực

a. Năng lực đặc thù

- Một số giọng điệu phong phú của tiếng cười trào phúng, một số biện pháp nghệ thuật được các nhà thơ sử dụng để làm bật ra tiếng cười
- Liên hệ được nội dung văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại; có ý thức phê phán cái xấu, tiêu cực

b. Năng lực chung

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.
- Tự chủ và tự học, tự thu thập, tổng hợp và phân loại thông tin

2. Về phẩm chất:

- Nhân ái: có ý thức phê phán cái xấu, cái tiêu cực và hướng tới những điều tốt đẹp cả trong suy nghĩ và hành động
- Chăm chỉ: chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi, hoàn thành các bài tập.
- Trách nhiệm: có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao, cùng đội nhóm hoàn thành nhiệm vụ.

* Đối với HS khuyết tật nghe -nói:

Viết được một số giọng điệu phong phú của tiếng cười trào phúng, một số biện pháp nghệ thuật được các nhà thơ sử dụng để làm bật ra tiếng cười.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Thiết bị dạy học

- Kế hoạch bài dạy
- SGK, SGV
- Máy chiếu, máy tính

2. Học liệu

- Hình ảnh, phiếu học tập liên quan đến nội dung bài học.

III. Tiến trình dạy học

Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho học sinh kết nối vào nội dung bài học.

* Đối với HS khuyết tật nghe -nói:

- Tạo tâm lý thoải mái, hứng thú, hòa đồng cho HS.

b. Nội dung: GV tổ chức hoạt động gợi dẫn bằng câu hỏi gợi dẫn

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện: 5p

- GV đặt câu hỏi: Theo em, tiếng cười có thể mang những sắc thái nào?

+ Hài hước, dí dỏm
+ Hạnh phúc
+ Trào phúng

+ Mỉa mai, châm biếm
+ Tán thưởng

➔ ***GV dẫn dắt vào bài học:*** Mỗi một nụ cười lại ẩn chứa trong nó nhiều ý nghĩa và sắc thái khác nhau. Có nụ cười của niềm hạnh phúc, nụ cười của sự hài hước, dí dỏm. Trong ý nghĩa sắc thái có tiếng cười, cô có nhắc đến từ "trào phúng", có em nào biết nụ cười trào phúng là như thế nào hay không? Chúng ta cùng tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay nhé!

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Phần I. Đọc- Tìm hiểu chung

a. Mục tiêu: Đọc văn bản và nắm được thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm.

* Đối với HS khuyết tật nghe -nói:
Viết được nội dung bài học.

b. Nội dung: GV đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 15p

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ **- GV** hướng dẫn học sinh đọc văn bản và giải thích nghĩa của một số từ khó. **- GV** hướng dẫn học sinh tìm hiểu những nét cơ bản về **tác giả**, **tác phẩm** **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ** HS tiếp nhận nhiệm vụ **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** - HS quan sát, lắng nghe, trả lời câu hỏi **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động** - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung	**I. Đọc- Tìm hiểu chung** **1. Đọc** - Đọc to, rõ ràng, diễn cảm - Sử dụng giọng điệu khác nhau để thể hiện được cảm xúc của người viết *Giải nghĩa từ khó **- Nghê:** con vật tưởng tượng trong tín ngưỡng của người Việt, đầu giống đầu sư tử, thân có vảy, thường được tạc hình trên các cột trụ hoặc nắp đỉnh đồng, được trang trí như một linh vật ở các đình, chùa, đền, miếu. **- Kiền khôn (càn khôn):** trời và đất, vốn là tên hai quẻ trong Bát quái (theo tư tưởng triết học cổ đại Trung Hoa được thể hiện trong *Kinh Dịch),* quẻ càn tượng trưng cho trời, quẻ khôn tượng trưng cho đất. "Bầu dốc kiền khôn" ý nói uống nhiều như dốc rượu trong cả thế giới này vào miệng. **- Cò:** hoặc *cò trắng,* là từ mà quan lại thời đó chỉ những vùng họ "bóp nặn" được ít, tức là nơi dân nghèo; một cách giải thích khác: gọi là "đất cò trắng", "dân cò trắng" vì vùng đó trũng thấp "chiêm khê mùa thối", thường bị ngập nước, cò đậu rất nhiều. Ba tiếng "huyện vẫn cò" còn có thể đọc lái thành "họ vẫn quyền", để nói những viên quan ấy vẫn chễm chệ giữ chức quan của mình.

	2. Tìm hiểu chung **a. Tác giả:** Trần Thị Hoa Lê **b. Tác phẩm** **- Xuất xứ:** In trong ***Tạp chí Văn học và Tuổi trẻ***, số tháng 9/2022 **- Thể loại:** Nghị luận văn học **- Vấn đề nghị luận:** Giọng điệu của tiếng cười trong thơ trào phúng **- Bố cục** + Phần 1 (từ đầu đến "đả kích...): Giới thiệu chung về những giọng điệu tiếng cười thường gặp. + Phần 2 (tiếp đến "độc giả"): Phân tích và chứng minh vấn đề + Phần 3 (còn lại): Kết luận về vấn đề.

Phần II. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được

- Vấn đề nghị luận
- Phân tích và chứng minh vấn đề nghị luận
- Kết luận vấn đề

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi, hoàn thành phiếu học tập

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:20p

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ **Đặt câu hỏi gợi dẫn:** Đối tượng miêu tả, thể hiện của văn học trào phúng là gì? Văn bản đã nêu những đối tượng cụ thể nào mà tiếng cười trào phúng thường nhằm tới? **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ** HS tiếp nhận nhiệm vụ **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** - HS trả lời câu hỏi - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động** - GV nhận xét, đánh giá.	**II. Khám phá văn bản** **1. Giới thiệu vấn đề** Thơ trào phúng **- Đối tượng:** sự bất toàn của con người, cuộc sống - **Phương tiện:** tiếng cười với nhiều giọng điệu khác nhau **- Một số giọng điệu cơ bản:** hài hước, mỉa mai- châm biếm, đả kích... ➔ **Phần mở đầu khái quát chung, giới thiệu vấn đề và đưa ra ý kiến đánh giá của người viết về vấn đề cần bàn luận.**
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:	**2. Phân tích và chứng minh**

GV yêu cầu HS thảo luận nhóm và hoàn thành PHT
- Chia lớp làm 4 nhóm.
- Thực hiện phiếu học tập tìm hiểu những giọng điệu của tiếng cười trào phúng theo gợi dẫn của PHT.
- Thời gian: 7 phút

Phiếu học tập

Văn bản đề cập đến những giọng điệu nào của tiếng cười trong thơ trào phúng? Hãy chỉ rõ dấu hiệu để nhận biết từng giọng điệu và những dẫn chứng tác giả sử dụng để chứng minh.

Nhóm: _____

Lớp: _____

Giọng điệu:

Dấu hiệu

Dẫn chứng

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:
- HS tiếp nhận nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:
HS thảo luận, hoàn thành PHT và báo cáo kết quả, nhận xét.

Bước 4: Kết luận, nhận định.
GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức.

GV hỏi thêm:
1. Vận dụng kiến thức tiếng Việt, theo em, các đoạn văn trong văn bản được trình bày theo kiểu đoạn văn diễn dịch, quy nạp hay tổng phân hợp, song song
→ Gợi ý
- Câu chủ đề → Lí lẽ→ Dẫn chứng
➔ Diễn dịch
➔ ***Phần nội dung phân tích những giọng điệu của tiếng cười, chỉ ra dấu hiệu nhận biết,***

- Hài hước:
+ Đùa cợt nhẹ nhàng cùng những yếu tố khác lạ phóng túng, phá vỡ các khuôn khổ quen thuộc
+ ***Dẫn chứng***: Bài thơ *Tự trào 1* của Phạm Thái *(Phân tích nội dung và những từ ngữ, hình ảnh trong bài thơ)*

- Mỉa mai – châm biếm
+ Tạo ra những yếu tố vô lí hoặc thiếu lô-gic, đảo lộn trật tự thông thường
+ ***Dẫn chứng***:
- *Hỏi thăm quan tuần mất cướp* - Nguyễn Khuyến. (phân tích tình huống trớ trêu của "quan tuần")
- *Nha lệ thương dân* - Kép Trà. (Phân tích nội dung và đặc sắc nghệ thuật…)

- Đả kích
+ Thường mang giọng điệu phủ nhận gay gắt đối tượng, hình thức ngôn từ mang tính "mắng chửi" quyết liệt, có phần suồng sã, thô mộc
+ ***Dẫn chứng***: *Đất Vị Hoàng* – Trần Tế Xương (phân tích kết cấu, nội dung, nghệ thuật…)

lựa chọn dẫn chứng là những bài thơ tiêu biểu, thuyết phục 2. Trong các giọng điệu của tiếng cười ở thơ trào phúng mà văn bản đề cập, em cảm thấy thích thú với giọng điệu nào? Vì sao? VD: Sắc thái của tiếng cười trào phúng ấy quen thuộc, dễ gần, dễ hiểu,… (đưa dẫn chứng/ ví dụ kèm theo)	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ **Đặt câu hỏi gợi dẫn:** Tác giả đã kết luận vấn đề như thế nào? Mục đích của vấn đề nghị luận được rút ra là gì? **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ** HS tiếp nhận nhiệm vụ **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** - HS trả lời câu hỏi - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động** - GV nhận xét, đánh giá.	**3. Kết luận vấn đề** - Tiếng cười trong thơ trào phúng phong phú và đa sắc. **- Mục đích:** Đẩy lùi cái xấu và hướng tới những giá trị cao đẹp hơn.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS khái quát nội dung, nghệ thuật của bài - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ. **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** - HS trả lời câu hỏi - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động** - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức	**III. Tổng kết** **1. Nghệ thuật** - Lựa chọn vấn đề có tính hấp dẫn, gây được sự chú ý - Cách lập luận chặt chẽ, trình bày logic, thuyết phục - Cách lựa chọn dẫn chứng hợp lí, gây ấn tượng với người đọc. **2. Nội dung** - Bài viết đã đem lại cho người đọc cái nhìn toàn diện, sâu sắc và hiểu hơn về những giọng điệu của tiếng cười trong thơ trào phúng. - Từ đó, người đọc có được cho mình cách tiếp cận chính xác hơn khi tìm hiểu về thể loại văn học này.

TÀI LIỆU ĐÃ BAN HÀNH

Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

* Đối với HS khuyết tật nghe -nói:
Làm được các bài tập nhận biết

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.
c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.
d. Tổ chức thực hiện: 5p
GV nêu yêu cầu: Trình bày cách hiểu của em về nhận định: "Tiếng cười trong văn chương nói chung, thơ trào phúng nói riêng thật phong phú và đa sắc màu như chính cuộc sống. Tiếng cười ấy thật cần thiết để đẩy lùi cái xấu, hướng mỗi con người đến những giá trị cao đẹp hơn".
- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.
b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.
c. Sản phẩm học tập: Sản phẩm của HS.
d. Tổ chức thực hiện: 5p
GV yêu cầu HS lựa chọn 1 trong 2 nhiệm vụ sau
1. Vận dụng tri thức từ văn bản *Một số giọng điệu của tiếng cười trào trong thơ trào phúng* em hãy cho biết: *Hai bài thơ Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu* và *Lai Tân* sử dụng những giọng điệu nào của tiếng cười trào phúng.
2. Em hãy sưu tầm thêm những bài nghiên cứu khác viết về tiếng cười trào phúng trong thơ, khái quát nội dung chính và giới thiệu cho cả lớp.

Rút kinh nghiệm
……
……
……

Tiết 50

TRẢ BÀI KIỂM TRA GIỮA KÌ

I/ Mục tiêu:
1. Kiến thức:
- Nhận ra được những ưu điểm, khuyết điểm khi viết loại bài văn, từ đó có hướng sửa chữa, khắc phục những lỗi trong bài viết của mình.
- Nhận ra được những kiến thức còn chưa nắm rõ, từ đó có hướng học tập hiệu quả hơn.

2. Năng lực:
- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

3. Phẩm chất: Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.
* Đối với HS khuyết tật nghe -nói:
Biết được những ưu điểm, khuyết điểm khi viết loại bài văn, từ đó có hướng sửa chữa, khắc phục những lỗi trong bài viết của mình.

II/ Chuẩn bị:
1/ Giáo viên: giáo án, bài kiểm tra đã chấm, đáp án, biểu điểm,…

2/ Học sinh: những kiến thức đã học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG (5P)

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: HS chia sẻ câu chuyện kỷ niệm của bản thân.

c)Tổ chức thực hiện:

Tổ chức hoạt động	Nội dung trọng tâm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ *- GV yêu cầu HS* ? Hãy chia sẻ những khó khăn và thuận lợi của em khi làm bài kiểm tra giữa kì? Em đã làm như thế nào để phát huy hết những thuận lợi và khó khăn đó khi kiểm tra? HS tiếp nhận nhiệm vụ, báo cáo kết quả hoạt động ***B2. Thực hiện nhiệm vụ*** - HS hoạt động cá nhân ***B3: Báo cáo kết quả/sản phẩm:*** HS phát biểu ý kiến **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** *- nhận xét, đánh giá* *- GV dẫn dắt vào bài học mới:*	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (20P)

Tổ chức hoạt động	ND trọng tâm
NV1: * Phần I : Đọc hiểu truyện **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)** ** GV trình chiếu đề bài và yêu cầu của đề* **B2: Thực hiện nhiệm vụ** - *HS đọc đề -nhận xét đáp án trên bài kiểm tra* **B3: Báo cáo kết quả/ sản phẩm** Gv gọi HS trả lời, báo cáo sản phẩm, HS khác nhận xét, bổ sung. **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của bài viết.	**I. Yêu cầu của đề** *** Phần I : Phần đọc hiểu** Đáp án
NV2: * Phần II: (4 điểm) **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)** ** GV nêu yêu cầu của đề* *- Dàn bài* **B2: Thực hiện nhiệm vụ** - *HS đọc bài làm của mình -nhận xét*	*** Phần II: VIẾT** (4,0 điểm). a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận: Mở bài, thân bài, kết bài b. Xác định đúng yêu cầu của đề: kể lại chuyến đi tham quan khu di tích lịch sử, văn hoá tại địa phương.

TÀI LIỆU ĐÃ BAN HÀNH

B3: Báo cáo thảo luận Gv gọi HS trả lời, báo cáo sản phẩm, HS khác nhận xét, bổ sung. **B4: Kết luận, nhận định (GV)** - GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của bài viết. *** NV3: Bài mẫu** **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)** ** GV chọn bài mẫu, đoạn mẫu đọc cho HS tham khảo* **B2: Thực hiện nhiệm vụ** - *HS lắng nghe* **B3: Báo cáo thảo luận** Gv gọi HS trả lời, báo cáo nhận xét sản phẩm bài mẫu,HS khác nhận xét, bổ sung. **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - GV chốt lại kiến thức	c. Triển khai bài văn theo trình tự hợp lí HS triển khai bài văn theo bố cục mở bài, thân bài, kết bài. Bài viết cần có lối diễn đạt rõ ràng, mạch lạc; ngôn ngữ phong phú, dễ hiểu; nói được cảm xúc và sự tự hào về lịch sử dân tộc và giữ gìn vẻ đẹp của dân tộc, quê hương nơi mình sinh sống. Dưới đây là một số gợi ý - Giới thiệu lí do, mục đích của chuyến tham quan, bày tỏ khái quát cảm xúc ban đầu. - Kể được diễn biến chuyến đi: cảnh vật trên đường đi, trình tự chuyến tham quan, những hoạt động chính trong chuyến đi… - Nêu được ấn tượng về những đặc điểm nổi bật của di tích: phong cảnh, công trình,… - Thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của bản thân: tự hào, yêu mến, biết ơn,… d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời văn cảm xúc, sinh động, sáng tạo. **II. Tham khảo bài mẫu**

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (10P)

a. **Mục tiêu**:
- HS biết nhận diện các lỗi và cách sửa lỗi.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cặp đôi hoàn thành bài tập PHT.

c. Tổ chức thực hiện:

*** NV4: HD sửa lỗi** **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)** - GV dùng bảng phụ thống kê một số lỗi tiêu biểu trong bài viết của HS và yêu cầu HS phát hiện, sửa lỗi (tập trung vào lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu, bố cục). **B2: Thực hiện nhiệm vụ**	**III. Chữa lỗi**

- HS quan sát ở bảng phụ, thảo luận, phát hiện và nêu hướng sửa chữa trong thời gian nhóm,5 phút **B3: Báo cáo kết quả/sản phẩm.** Gv gọi HS trả lời, sửa lỗi, HS khác nhận xét, bổ sung. **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - GV chốt lại kiến thức * GV chuyển giao nhiệm vụ học tập * HS thực hiện nhiệm vụ * GV chốt lỗi cơ bản của bài viết và phương pháp sửa. - GV nhận xét, bổ sung và kết luận về hướng sửa chữa. - HS tự đối chiếu với yêu cầu của đề phát hiện lỗi và trao đổi với bạn bên cạnh và sửa - HS đọc phần đã sửa (GV yêu cầu HS về nhà tiếp tục chữa các lỗi còn lại)	

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (10P)

a. Mục tiêu: Biết phát huy năng lực làm bài kiểm tra.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cặp đôi để nhắc lại lí thuyết, hoàn thành bài tập.

cTổ chức thực hiện:

Tổ chức hoạt động	ND trọng tâm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS Bài tập 1: HS tự hoàn lại bài theo yêu cầu **B2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS trao đổi bài cho nhau và thực hiện theo yêu cầu **B3: Báo cáo kết quả/sản phẩm** - HS báo cáo, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** GV nhận xét câu trả lời của HS. - Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS còn nhiều hạn chế	

IV. Hướng dẫn ở nhà, rút kinh nghiệm:

-Thực hiện bài tập vào vở.

-Soạn bài: Nói và nghe.

-Rút kinh nghiệm:

……

……

……

Tiết 51,52,53,54: VIẾT

VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC

(Thơ trào phúng)

I. Mục tiêu

1. Về năng lực.

a. Năng lực đặc thù

- HS viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng), nêu được chủ đề, dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm.

b. Năng lực chung

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.
- Tự chủ và tự học, tự thu thập, tổng hợp và phân loại thông tin

2. Về phẩm chất:

- Nhân ái: có ý thức phê phán cái xấu, tiêu cực và hướng tới những điều tốt đẹp trong suy nghĩ và hành động
- Chăm chỉ: chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi, hoàn thành các bài tập.
- Trách nhiệm: có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao, cùng đội nhóm hoàn thành nhiệm vụ.

* Đối với HS khuyết tật nghe -nói:

Viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng), nêu được chủ đề, dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Thiết bị dạy học

- Kế hoạch bài dạy
- SGK, SGV
- Máy chiếu, máy tính

2. Học liệu

- Tài liệu liên quan đến nội dung bài học (phiếu học tập…)

III. Tiến trình dạy học

Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

* Đối với HS khuyết tật nghe -nói:

- Tạo tâm lý thoải mái, hứng thú, hòa đồng cho HS.

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:5p

- **GV phát vấn:** Kể tên một số tác phẩm thuộc thể thơ trào phúng mà em biết.

- GV dẫn dắt vào bài học mới:Qua chủ đề này, các em đã nắm được cơ bản một số kiến thức liên quan đến thơ trào phúng. Bài học hôm nay sẽ giúp chúng ta biết cách viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng) nhé!

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

2.1. Giới thiệu kiểu bài

a. Mục tiêu: Nắm được yêu cầu đối với bài văn phân tích một tác phẩm văn học

* Đối với HS khuyết tật nghe -nói:

Viết được nội dung bài học.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 5p

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập **- GV đặt câu hỏi gợi dẫn:** + Phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng) là gì? Việc phân tích một bài thơ trào phúng cũng cần được triển khai theo hướng đó. Ở bài học này, em sẽ được thực hành viết bài văn phân tích một bài thơ trào phúng, qua đó, vừa củng cố kĩ năng đọc hiểu, tiếp nhận một bài thơ trào phúng, vừa tiếp tục phát triển kĩ năng phân tích một bài thơ mà em đã được rèn luyện ở bài 2 + Một bài văn phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng) cần đảm bảo yêu cầu gì? **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS nghe câu hỏi, dựa vào SHS để trình bày các yêu cầu. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động** - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập** - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	**I. Giới thiệu kiểu bài** **1. Khái niệm** Phân tích một tác phẩm văn học là làm rõ những nét đặc sắc về nội dung và hình thức nghệ thuật của tác phẩm. **2. Yêu cầu** - **Giới thiệu** tác giả và bài thơ - **Phân tích** được nội dung trào phúng của bài thơ để làm rõ chủ đề. - **Chỉ ra** được tác dụng của một số nét đặc sắc về nghệ thuật trào phúng được thể hiện trong bài thơ. - **Khẳng định** được giá trị, ý nghĩa của bài thơ.

2.2 Phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu: Đọc và phân tích được Bài viết tham khảo *"Phân tích bài thơ Đề đền Sầm Nghi Đống"*

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành đọc, phân tích bài viết tham khảo, trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 70p

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV tổ chức kĩ thuật **"THINK- PAIR-SHARE"** Thảo luận nhóm đôi làm rõ từng phần của bài viết - Phần Mở bài nêu những nội dung gì? - Phần Thân bài triển khai như thế nào? - Phần Kết bài khẳng định điều gì? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** - HS báo cáo sản phẩm thảo luận - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**	**II. Phân tích bài viết tham khảo** *** Mở bài**: Giới thiệu khái quát về tác giả và bài thơ - Nữ sĩ Hồ Xuân Hương vốn nổi tiếng với một hồn thơ phóng khoáng. - Bài thơ *Đề đền Sầm Nghi Đống* ra đời từ sự bức xúc khi bà nhìn thấy cảnh trái tai gai mắt: một tên tướng giặc bại trận phải tự vẫn mà vẫn được lập đền thờ bà đã không ngại ngần cất tiếng cười giễu cợt. *** Thân bài**: Triển khai theo trật tự trước – sau của bố cục bài thơ - Phân tích nội dung trào phúng để làm rõ chủ đề của bài thơ + Chữ "đề" trong **nhan đề** bài thơ thể hiện nét văn hóa đẹp 'tức cảnh sinh tình", ngẫu hứng làm thơ vịnh cảnh, cảm khái trước khung cảnh thiên nhiên và cuộc sống đời thường. + **Ngụ ý** của bài thơ *Đề đền Sầm Nghi Đống* là đả kích, khinh thường. . Câu "khởi" bắt đầu bằng cụm từ "ghé mắt", tô đậm thêm bằng cụm từ "trông ngang" + từ "thấy" ➔ thái độ thờ ơ, hờ hững, khinh thị… . Câu "thừa" đưa ra lời đánh giá về ngôi đền. Từ "kìa", "cheo leo" ➔ sự tôn nghiêm, thiêng liêng của ngôi đền biến mất sạch sẽ trong mắt nữ sĩ . Câu "chuyển" thể hiện cuộc "trò chuyện" trong tưởng tượng của tác giả với tên tướng giặc bại trận. . Câu "hợp" kết lại, thể hiện tiếng cười giễu cợt, đả kích của nữ sĩ đạt đến cao trào.

TÀI LIỆU ĐÃ BAO GỒM

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức	- Chỉ ra và phân tích tác dụng của một số nét đặc sắc về nghệ thuật trào phúng + Từ *kìa* hàm ý chỉ trỏ, chẳng giấu giếm sự bất kính với chốn đền miếu linh thiêng, đồng thời cho thấy nữ sĩ tuy ngắm cảnh, vịnh cảnh, nhưng cũng chẳng thèm lại gần. + Từ *cheo leo* vừa gợi ra vị trí xây dựng của ngôi đền (trên gò), vừa gợi cảm giác không vững vàng. *** Kết bài**: Khẳng định giá trị, ý nghĩa của bài thơ - *Đề đền Sầm Nghi Đống* là tiếng cười trào phúng vừa sâu cay, vừa mạnh mẽ của Hồ Xuân Hương dành cho một kẻ xâm lược. - Bài thơ cho thấy tài năng nghệ thuật của Hồ Xuân Hương – một nhà thơ hoàn toàn xứng đáng với danh hiệu "Bà Chúa Thơ Nôm".

2.3. Thực hành viết theo các bước

a. Mục tiêu: Giúp HS

- Biết viết bài theo các bước.
- Lựa chọn đề tài để viết, tìm ý, lập dàn ý.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và bài viết của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 35p

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ **- GV đưa ra câu hỏi gợi mở:** + Theo em, để viết tốt 1 bài văn **phân tích một tác phẩm văn học** gồm có những bước nào? Trình bày những nội dung chính của các bước. - GV hướng dẫn học sinh các bước tiến hành viết một bài văn phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng) - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** - HS trả lời từng câu hỏi - Dự kiến sản phẩm.	**III. Thực hành viết theo các bước** **1. Trước khi viết** **a. Lựa chọn đề tài** - Trong SGK: *Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu* (Trần Tế Xương); *Lai Tân* (Hồ Chí Minh) - Ngoài SGK: *Ông phỗng đá* (Nguyễn Khuyến), *Năm mới chúc nhau* (Trần Tế Xương)… **b. Tìm ý** - Xác định bố cục của bài thơ và nội dung chính của từng phần - Xác định đối tượng của tiếng cười trào phúng trong tác phẩm.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức	- Tìm hiểu các phương tiện nhà thơ sử dụng để gây cười như từ ngữ (đặc biệt là các từ tượng hình, từ tượng thanh, thành ngữ,…), biện pháp tu từ (so sánh, ẩn dụ, nói quá, điệp ngữ, đảo ngữ,…) - Tìm hiểu thông tin về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm và những thông tin khác có liên quan để liên hệ, mở rộng khi phân tích. **c. Lập dàn ý** **- Mở bài:** Giới thiệu tác giả, tên bài thơ và hoàn cảnh ra đời (nếu có)… **- Thân bài:** **Phương án 1:** Phân tích theo bố cục của bài thơ: + Ý 1: Câu thơ thứ…(nêu đối tượng của tiếng cười trào phúng, phân tích biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ để tạo ra tiếng cười trào phúng). + Ý 2: Câu thơ thứ…(nêu đối tượng của tiếng cười trào phúng, phân tích biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ để tạo ra tiếng cười trào phúng). +… **Phương án 2:** Phân tích theo hai hướng phương diện nội dung và nghệ thuật + Ý 1: Phân tích nội dung bài thơ (chỉ rõ đối tượng trào phúng của bài thơ, phân tích rõ lí do khiến đối tượng đó bị phê phán,…) + Ý 2: Phân tích nét đặc sắc về nghệ thuật (hình ảnh, biện pháp tu từ,…đã được sử dụng để tạo ra tiếng cười) +… **- Kết bài**: Khái quát ý nghĩa của tiếng cười trào phúng và giá trị nghệ thuật của tác phẩm **2. Viết bài** - Triển khai các ý nhất quán theo phương án dàn ý đã chọn, tránh lẫn lộn giữa hai phương án **+ Theo phương án 1** **Thuyết** (thuyết minh, dẫn dắt để đảm bảo tính mạch lạc của bài viết).

TÀI LIỆU ĐÃ BÁN

	Dẫn (nêu dẫn chứng, câu thơ cần phân tích) **Phân tích** (nêu đối tượng của tiếng cười trào phúng, phân tích biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ để tạo ra tiếng cười trào phúng) **+ Theo phương án 2** Bài phân tích cần tách bạch rõ hai phần: Phân tích nội dung Phân tích hình thức nghệ thuật (tập trung vào biện pháp nghệ thuật đặc sắc nhất của bài thơ) - Chú ý làm rõ những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật trào phúng của bài thơ, không sa vào tóm tắt nội dung **3. Chỉnh sửa bài viết.** - Kiểm tra xem các ý đã được triển khai theo lô-gic nhất quán chưa, nếu chưa thì phải điều chỉnh lại các ý cho phù hợp. - Rà soát xem bài viết đã chú ý phân tích một số nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật trào phúng của bài thơ chưa. Nếu thiếu thì phải bổ sung - Đối chiếu quy mô và dung lượng thông tin giữa các ý. Ý nào trình bày quá dài hoặc quá nhiều thông tin thì cần rút gọn lại. Ngược lại, ý nào quá ngắn hoặc còn sơ sài thì cần bổ sung cho cân đối.

Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

* Đối với HS khuyết tật nghe -nói:

Làm được các bài tập nhận biết

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 60p

GV tổ chức hoạt động:

1. Chia lớp thành 4 nhóm, tìm ý và lập dàn ý cho bài văn phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng) tự chọn

- Tác giả bài thơ là ai? Bài thơ ra đời trong hoàn cảnh nào?
- Bố cục bài thơ gồm mấy phần? Đó là những phần nào? Nội dung chính của từng phần?
- Tiếng cười trào phúng trong bài thơ nhắm vào đối tượng cụ thể nào?
- Tác giả đã dùng biện pháp nghệ thuật gì để tạo ra tiếng cười trào phúng?

- Giá trị, ý nghĩa của tiếng cười trào phúng trong bài thơ là gì?

2. Từ dàn ý đã lập, viết 1 đoạn văn hoàn chỉnh triển khai 1 nội dung trong bài văn phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng).

- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện: 5p

- *GV yêu cầu HS:*

+ HS rà soát, chỉnh sửa bài viết theo gợi ý chỉnh sửa.

+ Làm việc nhóm, đọc bài và góp ý cho nhau nghe, chỉnh sửa bài nhau theo mẫu

Rút kinh nghiệm

……

……

……

Tiết 55: NÓI VÀ NGHE

TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI

(Ý nghĩa của tiếng cười trong cuộc sống)

I. Mục tiêu

1. Về năng lực

a. Năng lực đặc thù

- Thảo luận về một vấn đề xã hội (ý nghĩa của tiếng cười trong đời sống).
- Nắm được nội dung chính mà nhóm trao đổi, trình bày lại được các nội dung đó để hiểu sâu hơn về vấn đề và nâng cao khả năng nói.
- Biết cách nói và nghe phù hợp: người nói và người nghe trao đổi, đánh giá để cùng rút kinh nghiệm.

b. Năng lực chung

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.
- Tự chủ và tự học, biết thu thập thông tin và giải quyết vấn đề được đặt ra

2. Về phẩm chất

- Kỉ luật, biết lắng nghe
- Chăm chỉ: chăm học, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

* Đối với HS khuyết tật nghe -nói:

Viết được một vấn đề xã hội (ý nghĩa của tiếng cười trong đời sống).

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Thiết bị dạy học

- Kế hoạch bài dạy
- Sách giáo khoa, Sách giáo viên
- Máy chiếu, máy tính

2. Học liệu

- Một số hình ảnh, biên bản liên quan đến nội dung bài học.

III. Tiến trình dạy học

Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

* Đối với HS khuyết tật nghe -nói:

- Tạo tâm lý thoải mái, hứng thú, hòa đồng cho HS.

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện: 5p

GV đặt câu hỏi gợi dẫn: Theo em, tiếng cười có ý nghĩa như thế nào trong cuộc sống của mỗi người?

- ***GV dẫn vào bài học:*** Khi muốn bày tỏ cảm xúc vui hay buồn, bộc lộ niềm hạnh phúc hay nỗi khổ đau, thể hiện sự hài lòng, tán thành hay sự bất mãn, phản đối,…con người đều có thể sử dụng tiếng cười như một phương tiện biểu đạt hữu hiệu. Hôm nay chúng ta hãy cùng thảo luận về ý nghĩa của tiếng cười trong đời sống.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

2.1. Trước khi nói

a. Mục tiêu: HS nắm được cách xây dựng bài nói đạt yêu cầu.

* Đối với HS khuyết tật nghe - nói:

Viết được nội dung bài học.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện: 10p

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ **- GV đặt câu hỏi:** + Theo em, để thực hiện tốt bài nói, chúng ta cần chuẩn bị những gì ở bước Trước khi nói? **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** - HS trả lời - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	**I. Trước khi nói** 1. Xác định phạm vi trình bày - Ý nghĩa của tiếng cười nói chung hay tiếng cười nhằm một mục đích cụ thể. - Ví dụ: tiếng cười trào phúng, tiếng cười tán thưởng, tiếng cười vui mừng,… 2. Tìm những ý chính + Tiếng cười đó nhằm tới đối tượng nào? + Tiếng cười đó được biểu hiện như thế nào? + Người tạo ra tiếng cười ấy muốn thể hiện điều gì? + Đánh giá của em về ý nghĩa của tiếng cười đó. 3. Lập dàn ý cho bài nói **Dàn ý tham khảo** **- Mở đầu**: Giới thiệu vấn đề bài nói. (Tiếng cười em muốn bàn là tiếng cười chung hay tiếng cười có mục đích cụ thể?)

	- Nội dung + Tiếng cười đó nhằm tới đối tượng nào? + Tiếng cười đó được biểu hiện như thế nào? + Người tạo ra tiếng cười ấy muốn thể hiện điều gì? + Đánh giá của em về ý nghĩa của tiếng cười đó. **- Kết thúc**: Khẳng định lại ý nghĩa và vai trò của tiếng cười trong cuộc sống và với bản thân em.

2.2. Trình bày bài nói

a. Mục tiêu: Biết được các kĩ năng khi nói

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện: 20p

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ **- GV đặt câu hỏi:** Theo em, khi nói, chúng ta cần lưu ý những gì? **- GV tổ chức hoạt động "HÙNG BIỆN, TRANH TÀI"** + Chia lớp thành 4 nhóm + Các nhóm lần lượt chia sẻ bài nói (đã chuẩn bị trước ở nhà) trong nhóm. + Lựa chọn đại diện tiêu biểu trình bày bài nói trước lớp. + Thời gian chia sẻ: 1 phút + Thời gian mỗi nhóm trình bày: 3 phút - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	**II. Trình bày bài nói** **- Giới thiệu** về tiếng cười nói chung (hoặc tiếng cười nhằm một mục đích cụ thể) **- Lần lượt trình bày** từng nội dung theo dàn ý đã chuẩn bị, kèm lí lẽ và bằng chứng minh họa. Chú ý chọn ví dụ minh họa thích hợp (từ sách báo, phim, tranh ảnh,…) **- Nêu ý kiến đánh giá** về ý nghĩa của tiếng cười. Chú ý phản ứng của người nghe để tìm kiếm sự đồng thuận hoặc sẵn sàng đối thoại.

2.3. Sau khi nói

a. Mục tiêu: Biết nhận xét, đánh giá về bài nói của bạn.
b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
d. Tổ chức thực hiện: 5p

<table>
<tr><th>HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS</th><th>DỰ KIẾN SẢN PHẨM</th></tr>
<tr><td>
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ
GV hướng dẫn HS đánh giá bài nói theo mẫu bảng kiểm sau
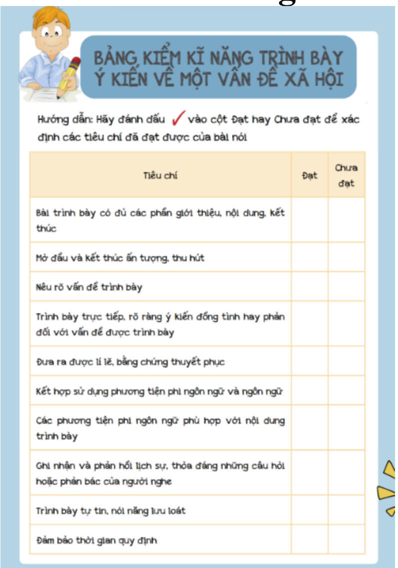
BẢNG KIỂM KĨ NĂNG TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI
Hướng dẫn: Hãy đánh dấu ✓ vào cột Đạt hay Chưa đạt để xác định các tiêu chí đã đạt được của bài nói
<table>
<tr><th>Tiêu chí</th><th>Đạt</th><th>Chưa đạt</th></tr>
<tr><td>Bài trình bày có đủ các phần giới thiệu, nội dung, kết thúc</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Mở đầu và kết thúc ấn tượng, thu hút</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Nêu rõ vấn đề trình bày</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Trình bày trực tiếp, rõ ràng ý kiến đồng tình hay phản đối với vấn đề được trình bày</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Đưa ra được lí lẽ, bằng chứng thuyết phục</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Kết hợp sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ và ngôn ngữ</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Các phương tiện phi ngôn ngữ phù hợp với nội dung trình bày</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Ghi nhận và phản hồi lịch sự, thỏa đáng những câu hỏi hoặc phản bác của người nghe</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Trình bày tự tin, nói năng lưu loát</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Đảm bảo thời gian quy định</td><td></td><td></td></tr>
</table>
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.
Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ
- HS thực hiện nhiệm vụ.
Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ
</td><td>
III. Sau khi nói
Người nói và người nghe trao đổi về bài nói theo một số gợi ý sau:
- Ý nghĩa của tiếng cười được đề cập trong bài nói có phù hợp với cuộc sống hiện nay không?
- Vấn đề được trình bày có ý nghĩa đối với những đối tượng cụ thể nào?
- Cách lập luận, dẫn dắt vấn đề, thái độ và khả năng tương tác với người nghe,… của người nói có thuyết phục không?
- Ý kiến trao đổi của người nghe có tác dụng làm rõ hơn hoặc bổ sung cho vấn đề người nói trình bày không?
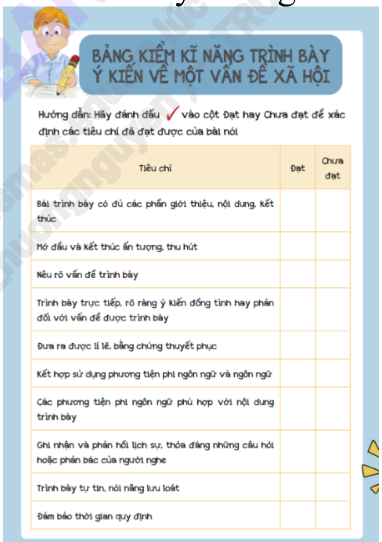
BẢNG KIỂM KĨ NĂNG TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI
Hướng dẫn: Hãy đánh dấu ✓ vào cột Đạt hay Chưa đạt để xác định các tiêu chí đã đạt được của bài nói
<table>
<tr><th>Tiêu chí</th><th>Đạt</th><th>Chưa đạt</th></tr>
<tr><td>Bài trình bày có đủ các phần giới thiệu, nội dung, kết thúc</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Mở đầu và kết thúc ấn tượng, thu hút</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Nêu rõ vấn đề trình bày</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Trình bày trực tiếp, rõ ràng ý kiến đồng tình hay phản đối với vấn đề được trình bày</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Đưa ra được lí lẽ, bằng chứng thuyết phục</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Kết hợp sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ và ngôn ngữ</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Các phương tiện phi ngôn ngữ phù hợp với nội dung trình bày</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Ghi nhận và phản hồi lịch sự, thỏa đáng những câu hỏi hoặc phản bác của người nghe</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Trình bày tự tin, nói năng lưu loát</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Đảm bảo thời gian quy định</td><td></td><td></td></tr>
</table>
</td></tr>
</table>

Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: Học sinh thực hiện bài nói trên lớp.
* Đối với HS khuyết tật nghe -nói:
Làm được các bài tập nhận biết.
b. Nội dung: HS sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài nói
c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.
d. Tổ chức thực hiện: 3p
- GV yêu cầu HS: Vận dụng kĩ năng nói và nghe trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (ý nghĩa của tiếng cười trào phúng), quay video bài nói (cá nhân) gửi lên nhóm zalo của lớp.

Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi
c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS
d. Tổ chức thực hiện:2p
- GV cho HS xem video, bài hát về tiếng cười và kết thúc bài học
- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.
Rút kinh nghiệm
……
……
……

DUYỆT CỦA TỔ TRƯỞNG

Ký bởi: NGUYỄN THỊ NGA
Thời gian ký: 22/11/2025 21:50:39
Tổ chức xác thực: Viettel-CA RS

Nguyễn Thị Nga

GVBM

Ký bởi: NGUYỄN THỊ HƯƠNG
Thời gian ký: 22/11/2025 10:02:33
Tổ chức xác thực: Viettel-CA RS

Nguyễn Thị Hương

TÀI LIỆU ĐÃ BAN HÀNH
Được tải về từ hệ thống edoc.smae.edu.vn lúc 10:10 10/12/2025
bởi Nguyễn Thị Hương (badong_huongnguyen) – TRƯỜNG THCS BA ĐỘNG